

HGHY PHẬT GIÁO HÒA HẢO

LƯỢC SỬ ÔNG THANH SĨ
(1928-1973)

Thiện Tâm Biên Soạn

PHIÊN BẢN Tháng 9 Năm 2022

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	4
I.- LƯỢC SỬ ÔNG THANH SĨ	6
1.- THÂN THỂ	6
2.- THỜI GIAN NAN	7
3.- ĐI HỌC VÀ TRÍ THÔNG MINH	7
4.- QUY Y HÀNH ĐẠO:	8
5.- KIẾN DIỆN ĐỨC THẦY	13
6.- CUỘC DI CƯ	15

7.- TRÊN ĐƯỜNG CHÂU THUYẾT	16
8.- HỌC CHỮ HÁN	20
9.- BẢO TRÌ ĐẠO PHÁP	23
10. TRỪNG TU TÂY AN CỔ TỰ	26
11. ĐÀO TẠO GIẢNG VIÊN HOÀNG PHÁP	28
12. Cuộc Đông du	29
13. Vào Đại Học	29
14. Dạy Học	31
15.- Đọc Cổ Kinh Phạn Ngữ	32
16.- Sự Nghiệp Đạo Lý	33
17.- Bản Nguyện	37
18.- GỞI DI CỐT VỀ QUÊ NHÀ	38
19.- KẾT LUẬN	46
II.- PHỤ TRANG (Yếu Pháp Tu Hành)	48
NẤY GIỜ PHẬT CÓ VỀ ĐÂY CHĂNG?	48
TỊNH TÂM	49
PHẬT Ở ĐÂU	50
CHỦ TÂM	51
CHƠN GIÁC NGỘ	52

CHỊ HẰNG	53
RÁN TU	54
TÌNH THƯƠNG	54
TÌNH HÒA HẢO	55
ĐẠO TỪ BI (Bát cú khoán thủ Thi)	55
ĐOÀN KẾT THỐNG NHẤT	56
NIỆM PHẬT	57
TRÍCH LỤC “ĐỜI MẠT PHÁP”:	57
<i>Trích Trong Quyển “LÀ PHẬT TỬ”:</i>	63
TÌNH ĐẠO PHẬT, ĐẾN LIÊN HOA:	64
RÁN NIỆM PHẬT LÀM LÀNH	66
RÁN TU CHO GIẢI KHỔ	67
ĐẠO TÂM KHÔNG MỀ SÚT	68
SÀU DUYÊN PHẬT	69
LỢI HẠI MẤY ĐIỀU KHÔNG	70
NỀN ĐẠO ĐỨC	71
THI KHOÁN THỦ	76
Ý NGHĨA SỰ TU	76

TÌNH THƯƠNG CHÂN THẬT

77

ẢNH LƯU NIỆM

81

LỜI NÓI ĐẦU

Quý tín hữu thân mến!

Sau ngày Đức Thầy xa vắng, trong đạo chúng ta gặp tình cảnh con xa cha, gà lạc mẹ bơ vơ bán lộ. Bây giờ có số đông đồng đạo đứng ra làm bốn phận vun quén đạo mâu, bảo vệ chánh pháp bằng cách này hoặc bằng cách khác; làm cho nền đạo được vững chãi và lan rộng cho đến ngày hôm nay.

Từ lâu chúng tôi có ý định ghi lại quá trình lịch sử của những vị đã đóng góp công vào việc hoằng pháp sau ngày Đức Thầy vắng mặt. Chúng tôi không phân biệt lớn nhỏ hay công quả nhiều ít, chỉ căn cứ vào thời gian hoặc sưu tập đủ tài liệu, đủ nhân duyên là giới thiệu trước, rồi lần lượt sẽ giới thiệu những vị kế tiếp.

Với tập sách nhỏ này, người mà chúng tôi giới thiệu đến đầu tiên là ông Thanh Sĩ. Để hiểu biết tổng quát về ý niệm của ông, chúng ta thử đọc một vài đoạn trong Lời Bạt mà ông đã viết vào năm quý tỵ (1953).

“Sanh ra cho tôi cái xác lành mạnh là cha mẹ! tạo nên cho tôi một lý tưởng đạo đức chính là Đức Huỳnh Giáo Chủ tức Đức Thầy của chúng ta...”

“... Chẳng qua vì lòng tôi quá nghĩ đến công ơn dẫu dặt của Đức Thầy, sánh dường non biển nghĩ; đến quý vị siêu phàm đã đầy lòng từ bi hóa hiện cứu thế độ dân; nghĩ đến tình đồng đạo đã có sự tương quan mật thiết giữa nhau trong mọi sự vui khổ; nghĩ đến nước non dân tộc lúc khói lửa đao binh; và nghĩ đến mình có lời thệ nguyện độ hết chúng sanh khỏi chốn Ta Bà thống khổ. Nhứt là trong khoảng hạ nguơn này. Nên tôi chẳng quản ngu khờ, đem tiếng nói tự đáy lòng ra kêu gào khuyên nhủ khắp chư nhơn đồng đạo...”

Công việc biên soạn tập sách nhỏ này với thời gian cấp bách, lý do là đáp lại nhu cầu cần thiết của một số tín hữu, nên chúng tôi chỉ ghi sơ lược về sử nghiệp của ông Thanh Sĩ mà thôi. Tin rằng về sau sẽ có nhiều bậc trí thức cũng làm công việc này, tùy theo trình độ và khái niệm của mỗi người mà nhận xét, mà diễn đạt sẽ đầy đủ và phong phú hơn.

Chúng tôi cũng không quên cảm ơn quý vị đã có dịp sống gần ông Thanh Sĩ và đã giúp tài liệu để chúng tôi hoàn thành ý nguyện này. Nội dung trong đây chắc không tránh khỏi những điều sơ sót, mong quý vị chỉ giúp cho những gì còn kém Khuyết, xin chân thành ghi nhận và đa tạ.

Định Hòa, Đông Mậu Dần -1973
Thiện Tâm.

I.- LƯỢC SỬ ÔNG THANH SĨ

(1928-1973)

1.- THÂN THỂ

Ông Thanh Sĩ tộc danh là Trần Duy Nhứt, đạo hiệu Thanh Sĩ, sinh năm Mậu Thìn (1928) tại ấp Phú Thạnh, làng Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Sa Đéc, Nam phần Việt Nam.

Thân phụ ông là Chế Văn Hương, nguyên là hương xã trưởng làng Phú Long, một gia đình khá giả. Thân mẫu là bà Trần Thị Mười, người có đức độ hiền hòa, hay thương kẻ cơ hàn bệnh tật. Khi thọ thai ông Thanh Sĩ hạnh đức Bà càng gia tăng. Lúc sanh ra, ông Thanh Sĩ có gương mặt sáng sủa khôi ngô, ai thấy cũng trầm trồ khen ngợi. Lớn lên ông có tướng người cao ráo mảnh khảnh, tiếng nói trong trẻo và thanh sảng, chơi với bạn bè rất tốt. Tuy trò chơi nào ông cũng trội hơn hết, nhưng không bao giờ chịu ăn thua bằng tiền bạc hay tranh cãi. Đối với mọi người luôn có lễ độ, khiêm cung, hiền hòa nhẫn nại; nên ông được mọi người chung quanh kính yêu mến phục.

Về học lực, ông chỉ học chưa hết lớp 3 trường làng, rồi vì gia đình gặp cảnh nghèo khó ông đành nghỉ học để coi nhà, giữ em cho mẹ lo kế sinh nhai. Dầu vậy,

nhưng lúc nào Ông cũng nuôi chí tìm hiểu kinh sách và trau dồi đạo đức.

2.- THỜI GIAN NAN

Nguyên ông xã Hương có hai đời vợ, bà Trần Thị Mười tức mẹ ông Thanh Sĩ là vợ đời sau. Nhờ bà có đức độ hiền từ, nên được nhiều người kính mến.

Về sau vì gia đình có chuyện bất hòa, bà Mười phải ra riêng và tự tìm kế sanh nhai, với một chiếc xuồng con ngày ngày bơi (xuồng) theo rạch buôn bán trâu cau... kiếm sống.

Còn ông Thanh Sĩ thì trông chừng nhà, giữ em, lo cơm nước, giặt giũ v. V...

3.- ĐI HỌC VÀ TRÍ THÔNG MINH

Ông Thanh Sĩ và thân mẫu sống trong cảnh nghèo dai dẳng, hôm nọ có ông Năm, người bà con vai em bà Mười đến thăm và đề nghị:

-Tôi thấy cháu Nhứt rất thông minh, ngoan hiền, nay đã chín, mười tuổi rồi cũng nên cho cháu đi học. Chị khóa cửa nhà đi bán đồ, giao cháu cho tôi nuôi và dạy

nó học luôn thể, vì tôi đang dạy tư hai tháng hè. Bà Mười nghe nói rất vui mừng đồng ý.

Ông Thanh Sĩ thông sáng lạ thường có lẽ hột giống trí tuệ ông đã vun bồi từ trước, cho nên chỉ hai ngày đầu ông đã thuộc hết văn xuôi, năm ngày sau là ông thuộc luôn văn ngược và đầu văn tập đọc. Học tư hai tháng ông Năm đưa Cậu duy nhất ra trường làng, được ông giáo Hoành cho ngồi lớp tư. Ông tiếp tục học đến gần hết năm lớp 3 thì nghỉ. Thời gian học lúc nào ông cũng đứng hạng nhứt toàn lớp.

Đến năm 1942, ông xin phép mẹ để cùng người bạn là Nguyễn Văn Tư đến học chữ Hán với thầy Câu Tường, người cùng xã. Ông thầy bắt đầu dạy sách “Tam Tự Kinh”, rồi dạy qua “Minh Tâm Bửu Giám”. Trong các bạn đồng môn ông học xuất sắc hơn hết, khiến thầy Câu Tường hết lời ca ngợi: “Trò Nhứt trí óc thông minh quá, chắc thầy không đủ sức để dạy nữa”. Song ông Thanh Sĩ học Minh Tâm Bửu Giám chỉ được tới thiên thứ tư, phải về nhà chăm sóc mẹ và em. Thế là ông chỉ học Hán văn được 2 tháng. Bấy giờ mọi công việc cơm nước, thuốc men, giặt giũ chỉ một mình ông đảm trách.

4.- QUY Y HÀNH ĐẠO:

Đến năm 1943, ông được người quen đi Thánh Địa Hòa Hảo về, trao cho quyển “Giác Mê Tâm Kệ” của Đức Thầy, chép chữ viết (tay). Ông xem qua thấy lời giải rất rõ ràng chánh lý, nên ông cùng người bạn là Nguyễn Văn Tư chép lại để xem và truyền ra cho mọi người cùng xem. Bây giờ có cô Sáu Nhỏ, con của bà Cả Chín gần đó, thấy quyển Giảng quá hay; cô phát tâm mua giấy mực cho hai ông chép thêm nhiều bản nữa để truyền bá khắp nơi. Ông ngồi chép ngày này sang ngày khác.

Vào ngày rằm tháng 7 năm Quý Mùi -1943, ông Thanh Sĩ và Nguyễn Văn Tư đồng thượng ngôi Tam Bảo và quy y tại nhà, theo lời Đức Giáo Chủ Phật Giáo Hòa Hảo chỉ dạy. Khi đó ông Thanh Sĩ đủ 16 tuổi. Từ độ ấy ông tinh tấn tu thân hành đạo và chép kinh giảng của Đức Thầy để gởi cho các nơi chưa có.

Đến năm 1944, ông được 17 tuổi, đang sinh hoạt bình thường, bỗng nhiên bị bệnh phổi càng lúc càng nặng. Ông Chế Văn Lạc và Nguyễn Văn Tư là hai người bạn thân, lo chạy chữa nhiều thuốc men, song bệnh cũng chưa thấy giảm chút nào, lúc này ông chỉ còn nằm tại chỗ. Một buổi chiều nọ, bà con đồng đạo tới thăm khá đông. Ông kêu mọi người nói:

- Các ông cho tôi mượn cây viết và tập giấy!
 Ông Nguyễn Văn liền hỏi lại:
 - Anh bệnh đi đứng không nổi mà viết cái gì?
 Ông Thanh Sĩ đáp:
 Tôi viết bài “Khải Tấu Cáo Hoàng Thiên”.

Nói xong, kẻ giấy viết đưa tới, ông nằm sấp viết một mạch hai trang giấy, rồi đưa ra và nói:

Tôi nhờ quý Ông đặt bàn hương án, quì gối đọc bài này cầu nguyện cho tôi 3 lần. Các ông bạn đọc thử thấy hay hay nên có xin chép lại để lưu niệm tới giờ.

Khải Tấu Cáo Hoàng Thiên

*“Bạch cùng Thượng Đế cứu trùng.
 Con xin bày tỏ kiết hung trong trần.
 Tổng làng cùng với Tỉnh Hương,
 Ở nơi quê ngụ phân tường danh trong.
 Làng con vốn thiết Phú Long,
 Quê hương Tổ phụ giống dòng ngụ nương.
 Chẳng qua số phận thảm thương,
 Nên cam chịu lấy nhiều đường gian nan.
 Nhứt Phụ nhị mẫu rõ ràng,
 Một Cha hai mẹ nào an điều hòa,
 Nói ra nước mắt nhỏ sa,
 Bởi chưng của cải mới là cách ly.
 Mẫu thân thứ thiếp vậy thì,
 Cảm thương từ mẫu xiết chi đau lòng.*

Xuống thuyền bơi thả theo sông,
 Bán buôn tần tảo mặn nồng nuôi con
 Từ ngày thơ ấu thon von,
 Dầm sương trải tuyết nuôi con bao ngày.
 Chịu điều trăm đắng ngàn cay,
 Mưa đơn gió kếp ai hoài tâm thân.
 Bán buôn sớm tối lần lần,
 Nuôi con choặng no thân mới là.
 Nở mày đẹp mặt mẹ cha,
 Thành nhor chi mỹ vậy mà lớn khôn.
 Đủ tâm đủ trí đủ hồn,
 Đủ lời tỏ thể, đủ thân thể người.
 Ngày nay con kịp bước đời,
 Nhìn tường cảnh khổ cận đời một bên.
 Xem qua sấm giảng bề trên,
 Dạy răn phước thiện lập nền Từ Bi.
 Động lòng tuổi trẻ nam nhi,
 Nên con sớm tối quy y nguyện cầu.
 Nương theo chữ mực tâm sâu,
 Nghĩa cao lý cạn cúi đầu kính vâng.
 Sớm chiều lễ bái Phật Thần,
 Độ Con vững chí bước chân theo Thầy.
 Đuổi đàn lục tặc đừng gây.
 Tam bành dập tắt lửa lòng trờ tiêu.
 Nguyên cầu Thất Tổ Đặng Siêu,
 Tây Phương Cực Lạc hưởng điều vinh hoa.
 Cầu cho cha mẹ an hòa,
 Mạnh lành sức khỏe sống mà trăm năm”.

Cẩn Ký

Trần Duy Nhứt.

Đồng đạo cầu nguyện cho ông rồi, ai lấy lần lượt ra về. Sáng hôm sau trở lại thăm, thấy gương mặt ông tươi tỉnh, lộ vẻ hân hoan. Ông Nguyễn Văn Tư hỏi:

- Đêm qua anh ngủ được không?

Ông Thanh Sĩ trả lời:

- Ngủ được, nhưng có điều lạ quá, tôi xin kể cho các ông nghe: Hồi hôm khi cầu nguyện xong các anh em về hết, tôi nằm yên chí tâm niệm Phật để ngủ. Bỗng nhiên từ trên trang Phật xẹt xuống ngay nóc mùng tôi một ánh sáng to bằng cái mâm, phủ trùm cả thân tôi, khiến tôi hết hồn không biết có chuyện gì lạ. tôi liền định thần niệm Phật liên tục, kể rồi ánh sáng ấy tan dần, độ 5 phút sau là dứt, bệnh tôi cũng bớt theo.

Sau thời gian tu tập, tinh thần ông Thanh Sĩ càng lúc càng sáng suốt, thỉnh thoảng ông luận đàm đạo lý, kinh giảng với đồng đạo. Ông cũng bắt đầu viết thi thơ đủ loại mặc dù từ trước tới giờ ông chưa học niêm luật làm thơ với ai. Có lúc ông ứng khẩu ngâm ít vắn thơ ngẩn trước mặt mọi người. Thời gian ấy ông cũng hướng dẫn các bạn đạo về niêm luật làm thơ. Những thi thơ của ông toàn là luận đạo khuyên tu đúng theo

tôn chỉ “Học Phật Tu Nhân” của Đức Thầy, nhưng rất tiếc qua thời gian binh lửa (1945 – 1947) bị thất lạc hết, chỉ còn lại một ít bài như bài “Khải Tấu Cáo Hoàng Thiên” đã ghi ở đoạn trước và bài “Tự Thán”. Chúng tôi xin trích dẫn một vài đoạn:

*“Nhìn em nhìn mẹ càng cay,
Tỉ như muôn mũi nhọn gai chích lòng.
Than ôi! thời vận long đong,
Phải sao chịu vậy cho xong phận này”*

.....

Và:

*“... Cháo cơm con vẫn lo âu,
Vừa hương bát nước vọng cầu hoàng thiên.
Cầu trên trời Phật chứng miên,
Độ con được tấm lòng thiêng mà thôi”.*

Phú Long 1944. Thanh Sĩ

Cũng năm 1944, Ông được tin Đức Thầy đang cư trú tại Sài Gòn - 150 đường Lefèvre, Ông liền viết một bài thơ lục bát dài 4 trang, đem đến Cái Vồn - Cần Thơ, nhờ ông Năm Trần Văn Soái có dịp đi Sài Gòn trao giùm đến Đức Thầy. Ông Năm ngần ngại nói:

Tôi sợ Đức Thầy rầy lắm, em viết gì đó? Đọc thử nghe rồi mới dám chuyển thơ. Ông Thanh Sĩ liền đọc, nghe xong ông Năm gật đầu chấp thuận. Khi trở lại

nhà, Ông Thanh Sĩ cùng hai người bạn bơi xuống về Thánh Địa Hòa Hảo. Chuyến đi này 5 ngày, khởi hành đi ngã Tiền Giang lên Hồng Ngự có ghé thăm ít người quen. Rồi trở xuống Tổ Đình làm lễ, viếng Đức Ông Đức Bà, trở về đường Hậu Giang, cũng có ghé thăm một vài chỗ.

5.- KIẾN DIỆN ĐỨC THẦY

Khoảng cuối năm Giáp Thân-1944, Ông Thanh Sĩ trong thâm tâm quyết đến Sài Gòn gặp Đức Thầy để quy y trực tiếp. Khi tìm được con đường và đi gần tới cửa, Đức Thầy đứng sẵn trên lầu ngó xuống, chờ ông vừa nhìn lên Ngài nói lớn:

“Thầy chứng rồi khỏi quy y nữa”. Đoạn ngày khoác tay (ý bảo đừng ở lại) ¹. hội được ý ông cúi đầu kính Đức Thầy rồi quay về.

Đến tháng 5 năm Ất Dậu – 1945, Đức Thầy đi khuyến nông khắp các tỉnh miền Tây. Khi đến Sa Đéc, các cấp trị sự cho đồng đạo hay trước vài ngày, để chuẩn bị gặp mặt và nghe Ngài nói chuyện. Ông Thanh Sĩ hẹn với các người bạn: Anh Tư Nguột, Phan Ngọc

¹ Bấy giờ người Pháp theo dõi, nên Đức Thầy ít cho tín đồ đến thăm, nếu không có việc gì quan trọng.

Ảnh, Nguyễn Văn Tư đợi nhau tại sân vận động rồi vô nghe một lượt. Từ Phú Long, Ông Thanh Sĩ, anh Ba Lạc, bác Thân Mạch chèo chiếc ghe nhỏ lên Bình Tiên đăng ra Sa Đéc. Nhưng khi ghe tới nhà ông Sư Lục thì ông Thanh Sĩ bị cảm nặng, nên phải dừng lại đó lo phương điều trị; suốt mấy tiếng đồng hồ cũng chưa thấy giảm. Ông đành nằm tại đó, nhưng cũng ráng viết bài thơ bát cú để nhờ anh Ba Lạc mang đến thưa với Đức Thầy về bệnh tình của ông, nên ông không đến gặp Ngài được; chỉ kính thăm thầy một bài thơ thôi: “Thế nào anh Ba cũng ráng đưa giùm tới tận tay Đức Thầy”, Ông dặn anh Ba Lạc như thế.

Bởi lý do đó, nên cha con anh Lạc đến trễ giờ, Đức Thầy đã thuyết giảng hết một đoạn. Lúc này anh Lạc và Tư Ngụet cầm sẵn cái thơ trong tay, rồi cố gắng chen đến giảng đài đứng nép một bên chờ đó.

Trên giảng đài có để một cái ghế nghi, một bình bông, một ly nước mát. Sau lưng Đức Thầy là một cái bàn dài, có 4 cụ lão đang ngồi. Đức Thầy thuyết giảng bình thường, vừa dứt một đoạn, bỗng Ngài dừng lại, xoay người bước lẹ đến phía hai anh đang đứng đưa tay xuống, anh Lạc liền dâng bức thư lên. Thấy lạ một cụ lão đứng dậy hỏi:

- Có chuyện gì Bạch Thầy?

“ Không có chuyện gì lạ! Đây là cái thơ của người học trò tôi tên Duy Nhứt, định đến đây thăm tôi; nhưng đi dọc đường bị bệnh không đến được, nên gởi thơ thăm tôi”.

Đoạn Ngài tiếp tục giảng... và tối lại Ngài nghỉ đêm tại nhà ông Phán Nhãn, sáng ra Ngài đi khuyến nông các nơi khác. Sau đó mấy hôm, vào buổi chiều ngày 16 tháng 6 ông Phán Long đưa Đức Thầy đến thuyết giảng tại nhà ông Cả Khoái xã Phú Long và tối lại Ngài cũng nghỉ đêm tại đây. Vị trí này là ngã ba Tân Hựu, gần nhà ông Thanh Sĩ. Bảy giờ ông đã hết bệnh, nên Ông Cả có kêu ông cùng một số anh em thanh niên đến với nhiệm vụ tiếp đãi cơm nước. Chính hôm ấy ông Thanh Sĩ có dịp gần gũi và thưa hỏi việc đạo lý nơi Đức Thầy. Sau hôm ấy có lẽ ông tâm đắc được lời chỉ giáo của Ngài, nên từ đó công việc hành đạo ông càng tính hơn lúc trước và lời lẽ nhắc nhở anh em cũng rất xác đáng chơn lý.

6.- CUỘC DI CƯ

Mùa thu năm Ất Dậu – 1945, Nhật đầu hàng đồng minh, người Pháp tái chiếm Việt Nam; vùng xã Phú Long không yên, nên gia đình bác Thân Mạch và bà

Mười đồng dọn đồ xuống chung một ghe, để lên xã Bình Tiên gần Sa Đéc lánh nạn...

Đến tháng hai nhuận Năm Đinh Hợi -1947, được tin Đức Thầy xa vắng, Ông và cả gia đình người bác chèo ghe luôn về Thánh Địa Hòa Hảo. Còn bà Mười ở lại nhà bà con, sau mới lên theo. Đoàn ghe tản cư này có ghe của ông Sư Lục, tỉnh bộ Sa Đéc và các xã lân cận. Khi đến Thánh Địa Hòa Hảo, đoàn xe đậu dưới bến sông của ông Chánh Bái Giàu, cách Tổ Đình khoảng 500m.

Ở đây ít hôm, ghe bác cháu ông Thanh Sĩ dờ lên xã Phú Lâm đậu tại bến ông Pháp (tức Hai Bụng). Lúc đó ông Thanh Sĩ ít giao tiếp trò chuyện với mọi người, lo tịnh niệm nhiều hơn. Mỗi sau thời cúng ông ngồi tịnh niệm thật lâu, cả đến lúc đi, đứng, ngồi².

Bấy giờ bà Mười và cậu Trần Duy Nhì vừa lên tới. Cuối năm 1947 anh Ba Lạc vướng bệnh nặng rồi chết. Qua mùa xuân 1948, bà Mười dắt Trần Duy Nhì về dự đám giỗ ở Bình Tiên. Khi trở lên dọc đường cậu Nhì cũng phát bệnh ít hôm rồi chết, bà đem xác cậu Nhì chôn gần mộ anh Lạc.

² Sau này, lúc dự khóa Đạo Đức ở Tây An Cổ Tự, chúng tôi (Thiện Tâm và một số khóa sinh) có hỏi ông Thanh Sĩ: -“Trong giáo pháp của Đức Thầy ông tu pháp nào chuyên nhất?”. Ông Đáp: -“Tôi niệm Phật chánh định theo bài Chư Phật Có Bốn Đại Đức của Đức Thầy chỉ dạy”.

7.- TRÊN ĐƯỜNG CHÂU THUYẾT

Khoảng tháng tư năm Mậu Tý -1948, một hôm ông Thanh Sĩ kêu anh Út Chiếm, người bạn thân ở đây, ông nói:

“Anh đi sửa cái líp xe đạp đặng chút nữa đây có người mời đi công việc với tôi”.

Lát sau quả có ông Bùi Xuân Cừ đem thơ mời Ông đến văn phòng tỉnh bộ Châu Đốc tại xã Hiệp Xương. Khi đến nơi thì gặp các ông: Kinh lý Lâm Đồng Thanh, Phan Bá Cầm và Huỳnh Hữu Phĩ. Quý ông ấy cho biết hãy đi với các ông đến kiến diện Đức Ông tại văn phòng Liên tỉnh (Hưng Nhơn).

Khi giáp mặt kính mừng xong, các vị ấy trình với Đức Ông cho ông Thanh Sĩ đi thuyết giảng giáo lý khắp nơi để nhắc nhở mọi người tu thân hành đạo đúng theo giáo lý Đức Thầy. Đức ông vui vẻ chấp thuận và ra lệnh cho các ông tỉnh bộ Châu Đốc có trách nhiệm bảo trợ cuộc đi thuyết giảng này. Thế là các ông ấy chuẩn bị đưa ông Thanh Sĩ đi thuyết giảng. Khởi hành vào ngày 16 tháng tư năm Mậu Tý -1948. Công tác này trong quyển “Châu Thuyết” ông có ghi lại:

*“Tôi như đồng đạo trẻ già,
Theo Huỳnh Giáo Chủ tại gia tu hành
Tu hồi mười sáu tuổi xanh,*

Đến năm Mậu Tý xuất hành khuyên dân...”

Năm ấy ông đúng 21 tuổi, tóc để ngang vai, da trắng, tướng người cao và trông ốm yếu mảnh khảnh. Ai mới nhìn quá đều cho ông chừng 17-18 tuổi vì thế lúc đó ông có cái biệt danh do các bà lão tặng là: “Cậu Hai Nhỏ Giảng Đạo”, tên ấy còn lưu truyền đến ngày nay.

Buổi thuyết trình giáo lý đầu tiên tại nhà ông Hội Đồng Thái ở xã Phú Lâm. Mỗi thời thuyết giảng của ông có hai phần: Đoạn đầu tản văn (tức văn xuôi), đoạn sau là vận văn (tức văn vần) thi thơ nhiều loại. Ông tùy nơi và tùy cơ duyên, tâm niệm của thính giả mà ứng khẩu nói, chớ không biên soạn đề tài trước.

Kế tiếp là đi qua các điểm: chùa Dòng Thành Long Sơn, rồi Long Thuận, cù lao Long Khánh (tại xã này ông thuyết ba vị trí). Xuống Mỹ Hội Đông (nhà ông cả Mười), rồi đến Nhơn Mỹ, Tham Buông, Sơn Đốt, Mỹ Hòa Hưng. Kế đó ông Trần Văn Soái cho đại đội Hồng Nam đem tàu lên rước về Tổng Hành Dinh thuyết giảng ở Cái Vồn. Rồi lại về Mỹ Hội Đông, kế sang Bình Đức (Long Xuyên), đến Hòa Bình, Vàm Cống, Lấp Vò, Định Yên. Qua Cái Sao, Mỹ Thới (Rạch Gòi). Rồi trở về Mỹ Hội Đông thuyết giảng trong cuộc lễ 18 tháng 5, kỷ niệm ngày Đức Thầy khai Đạo năm thứ 9. Kế tiếp Ông trở lại quê nhà thuyết giảng tại Nha Môn, kế đó lên Sa

Đéc, vô Bình Tiên; đi Lai Vung, lại Long Thành, sang Cù Lao Cát (Tân Lộc Đông, Tân Lộc Tây), sang Cỏ Ngải, xuống Bần Tăng, Ô Môn, qua Phong Hòa (Bò Hút), rồi đến Tổng Hành Dinh (Vĩnh Long); lên Phú Lâm (Sài Gòn), tới Bến Thành thuyết giảng tại dinh quan Thứ Trưởng v.v...

Cuộc Châu thuyết này tất cả gần 50 vị trí. Ông đi đến đâu cũng được các giới trí thức, đồng bào và đồng đạo ca ngợi. Phần đông người trong Đạo rất cảm mến về lời lẽ của ông đã tác động vào tâm lý, khiến ai nấy vừa cảm động nhớ Đức Thầy, vừa lo tinh tấn tu hành. Nhưng khi ông về đến Cần Thơ thì ông Năm Trần Văn Soái mời về hành dinh cho biết: “Tướng Rờ Đông người Pháp bảo tôi phải quản thúc cậu ở đây”. Trong quyển Châu Thuyết của ông có ghi lại đoạn này:

*“... Liền ở đây trong ít ngày qua
Được giấy của cao quan người Pháp,
Mời qua tại Mít Xông hầu gặp
Ba giờ chiều xe rép chạy qua,
Đến văn phòng nghe tiếng bông xoa
Chào mấy vị quan to tại đó
Liền mời vào phòng trong khép ngõ
Quan Rờ Đông hỏi rõ chuyện ni
Rằng: Trước đây Ông giảng tu trì
Sau, Ông nói xen thì chính trị?*

*Trả lời: Tôi tu theo Đạo lý,
 Noi Thầy tôi dẫn chỉ điều lành
 Chớ tôi đâu hiểu biết chiến tranh
 Hay chính trị nhờ ông xét lại
 Quan Pháp liền tiếp thêm lời nói
 Ông ra về kêu gọi người tu...”*

Thế là ông Thanh Sĩ bị quản thúc tại hành dinh của ông Trần Văn Soái ba tháng mới được trở về Mỹ Hội Đông.

Cũng nên nhắc lại, lúc ông Châu Thuyết tại Rạch Cần Xây (Bình Đức), có qui8 bà ở Hòa Hảo gần Tổ Đình đến đây dự thính, nói với ông: “Có người về Tổ Đình Hòa Hảo trình với Đức Ông là sợ cậu ra mỗi Đạo khác rồi dất tín đồ tu sai đường lối Giáo lý của Đức Thầy đi !”. Ông Thanh Sĩ liền nhấn lời: “Nhờ quý cô về thưa lại với Đức Ông...”. Lời này trong quyển Châu Thuyết ông có ghi lại:

“... Về Hòa Hảo tỏ tường sự thật,
 Cho Ông Bà lòng bớt nghi nan.
 Rằng tôi đây chung một Đạo tràng,
 Nay gặp lúc nhận Nam én Bắc.
 Thầy lạc tớ không ai diu dất
 Tôi đứng ra để nhắc đệ huynh
 Noi theo Ngài Phật Tổ hy sinh

Lìa vật chất dứt tình tham luyến
 Chớ chẳng phải làm điều tà kiến
 Xin nhờ ơn mình chánh giùm cho
 Lấy lòng thương bể cả lần mò
 Cũng được chút thơm tho Đạo lý...”

Sau chuyến đi này, ông Thanh Sĩ trở về nhà ông Cả Mười ở Mỹ Hội Đông và viết quyển Châu Thuyết, viết xong, ông trao cho cô Út Đồng Tân sao lại.

8.- HỌC CHỮ HÁN

Lúc bây giờ ông thường tới lui hai Xã Mỹ Hội Đông và Nhơn Mỹ, rồi đi thuyết giảng các vùng lân cận. Khi thì kinh Đồng Tân nhà ông Thương; Mỹ Hòa cư ngụ nhà ông Xã Xính. Khi thì xuống Sơn Đốt nhà ông Đoàn Văn Đính. Lúc ngụ nơi đó, ông thấy các bạn Đạo như Đoàn Văn Huân, Trần Văn Tàng, Dương Thế Vĩnh... đều biết chữ Hán, ông kêu các người ấy nói:

-Thấy các anh biết chữ Hán tôi ham quá, vậy Các anh lấy sách chữ Hán ra dạy tôi.

Các ông ấy nghĩ: “Cậu này như người đã siêu phàm còn học gì nữa”, nên ngần ngại nói:

- Cậu đã thông thái rồi sao còn đòi học?

Ông Thanh Sĩ nói mãi, ông Sư Huang mới bảo ông Hai Vĩnh đi chợ Long Xuyên mua quyển Hán Việt Tự Điển của Đào Duy Anh (giá quyển Hán Việt Tự Điển lúc đó là 500 đồng) đem về cho ông học. Ông học ngồi chăm chú trích từ chữ ra học. Học như vậy được 7 ngày ông kêu ông Sư Huang nói:

- Anh đi mượn hoặc mua báo chữ Tàu về tôi tập đọc và dịch thử coi.

Ông Hương Sư liền ra chợ Mỹ Hòa mượn tờ báo chữ Tàu của ông Chệt Chín đem về. Ông Thanh Sĩ nằm trên chiếc võng lật qua lật lại ít phút rồi nói: ‘Để tôi đọc bài báo này cho các anh nghe nhen’. Đài Loan vừa đăng tin Nhật Bản họ phát minh được cái vô tuyến truyền hình (tivi). Ông vừa đọc tin vừa giải thích cho mọi người cùng nghe.

Thời gian ông học chữ Hán lúc nhỏ chỉ có hai tháng, giờ cộng thêm 7 ngày nữa mà đọc được báo chữ Tàu. Và sau này ông còn viết liền chữ Hán cho các ngôi chùa, như: Tây An Cổ Tự xã Long Kiến; Không Môn Tự xã Nhơn Mỹ; Liên Hoa Tự xã Mỹ hội Đông; Long Hòa tự xã Long Điền. Liễn của ông viết đối rất chỉnh, nghĩa lý cao thâm; khách thập phương xem đến ai cũng ngợi khen kính phục. Chúng ta thử đọc một đôi liễn tại cổng Đông Tam Quan ở ngôi Tây An Cổ Tự:

“PHẬT MÔN DỤC NHẬP, TIÊN KHAI TÂM MÔN
TỨC PHẬT HÒA.

GIÁO PHÁP CẦU TU, YẾU NGỘ TÁNH PHÁP KỲ
GIÁO HẢO”.

Đọc đến chắc ai cũng thấy hai chữ đầu và hai chữ cuối câu là bốn chữ “Phật Giáo Hòa Hảo”, và có nghĩa: “Cửa Phật muốn vào, trước phải khai cửa tâm tức mình với Phật cùng Hòa. Giáo Pháp cầu tu, trọng yếu phải ngộ pháp tánh, đó là lời dạy tối Hảo,

Lúc cư ngụ tại nhà ông Đoàn Văn Đính xã Nhơn Mỹ, tổng Định Hòa, Chợ Mới ông có họp với ông Hương Sư Huỳnh và số đông đồng đạo nơi đây, trù liệu xây cất chùa Không Môn, nằm kế Đình Thần xã Nhơn Mỹ. Chính ông Thanh Sĩ đặt danh hiệu và viết các câu liễn cho chùa này, xin ghi lại một đôi liễn có hai chữ khoán thủ “KHÔNG MÔN”:

“KHÔNG TÂM TRẦN THẾ DUY TÂM PHẬT,
MÔN PHÁP TỊNH THIỀN BỒN PHÁP SIÊU”.

(Nghĩa là: Lòng không vướng bụi tâm là Phật,
Môn pháp Tịnh Thiền gốc pháp siêu)

Lễ khánh thành chùa được cử hành vào ngày 25 tháng 6 niên Giáp Ngọ (1954), dưới sự chứng kiến và

chủ tọa của Đức Ông (thân sinh của Đức Thầy) cùng chỉ huy trưởng Nguyễn Giác Ngộ (xem ảnh phía sau).

9.- BẢO TRÌ ĐẠO PHÁP

Vào khoảng hai năm 1949-1950, có số người đem các nhóm me đề, tài xỉu ở Chợ Lớn về chứa lấy xâu. Họ mở rải rác khắp các tỉnh miền Tây, khiến cho số tín đồ vì ham tiền mà phạm giới rất nhiều. Kẻ chơn tru ai cũng thiết tha lo lắng, chỉ có vùng Định Hòa và Thánh Địa Hòa Hảo không có. Ấy là nhờ Đức Ông và ông Nguyễn Giác Ngộ nghiêm cấm, nhưng cũng còn một số ít lén qua chỗ khác đánh.

Thấy thế ông Phan Bá Cầm và một số trí thức trong Đạo đề nghị với ông Nguyễn Giác Ngộ: “Dù mình có dùng bao nhiêu quyền hành luật pháp cũng không thể ngăn chặn phong trào cờ bạc này được. Chỉ làm sao cho họ tự giác ngộ, thấy rõ đây là vi phạm điều răn cấm thứ nhứt, rất có hại cho cá nhân, gia đình và cả đến xã hội đất nước. Vậy chúng ta nên mời ông Thanh Sĩ đi thuyết giảng đạo lý khắp vùng để giải thích cho đồng đạo nghe mới mong kết quả”.

Thế là ông Thanh Sĩ được rước đi thuyết giảng khắp vùng Định Hòa, Chợ Mới. Trước tiên ông dùng lời lẽ

thống thiết nhớ đến công ơn Đức Thầy, để kêu gọi đồng môn kính Thầy nhớ Đạo. Cộng với lời ứng khẩu đúng tâm lý của mọi người tham dự. Chúng ta thử ôn lại một vài đoạn thi thơ của ông trong lúc đó:

*“Thầy ôi! Trở gót cứu con thơ,
Lạc mẹ đàn gà luống ngẩn ngơ.
Còn thăm chi hơn nghe tiếng ó !
Cả đàn chiu chít tợ vò tơ”.*

...

*“Thầy ôi! Trở gót cứu con hiền,
Được khỏi lưới rào của tụi Phiên.
Để có tự do đi đến hội,
Ngõ hầu kính bái đấng thần tiên”.*

.

Ông thiết tha than vãn với đồng đạo:

*“... Nhìn nhau mà bắt muỗi lòng,
Xa thầy ta phải bế bông lẩn nhau.
Nhìn nhau mà giọt lệ trào,
Trò đây, Thầy ở phương nào bật tin!
Nhìn nhau mà bắt động tình,
Thân mình nó ấm thấy mình ra sao?
Nhìn nhau đau lại càng đau,
Xa Thầy con trẻ khác nào mù đui!...”.*

Ông luôn nhắc nhở mọi người nên nhớ đến công ơn của Đức Phật, Đức Thầy để ráng gìn tròn bốn phận tín đồ với Tam Bảo”:

*“THẦY đã dày công giáo độ trần,
CÒN mang nạn ách ở nơi thân.
LAO đao đất khách đêm không ngủ,
KHỔ sở quê người bữa biếng ăn.
TA rất đau lòng khi ngó nước,
VUI đâu dám tưởng lúc nhìn trăng.
ĐƯỢC không chỉ một lần này nữa
NÀO dám se lời mới đạo hằng”.*

...

*“Đức Thầy chịu khổ khổ vì dân
Ta chẳng thay cho được một phần,
Cũng ráng lo tròn câu đạo nghĩa,
Đâu đành tạo tác việc phi ân.
Danh Thầy bị lấp trò mang họa,
Cửa Đạo mờ lu tở khổ thân.
Đêm vắng buồn than rơi hạt lụy,
Biết sao cứu hết kẻ mê trần”.*

Phần là:

*“Buồn nhớ đến công thầy,
Niềm thương tở khó khuyây.
Yêu đời đời chẳng rõ,*

*Mến Đạo Đạo đâu hay.
 Mượn mực khuyên nhau tỉnh,
 Cậy lời gọi hết say.
 Trông cho ngư thủy hội,
 Sự đệ hết u hoài”.*

Chuyển đi thuyết giảng này, nơi nào đồng đạo được nghe đều cảm động rơi lụy, thương Thầy thương đạo quyết chí tu hành giữ gìn giới luật. Vì thế, cả vùng Chợ Mới lúc đó hầu hết không còn ai chơi cờ bạc, me đề cũng chẳng thấy những tiệc rượu, các nơi người ta truyền tin với nhau:

“Định Hòa là Đất Phật”

Theo lời của Ông Ba Thới cho biết:

“Định Hòa Phật lập tiểu Tràng An”.

Còn lời của Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng cho biết:

“Thi Thân Ký Chú Định Hòa yên”.

Bấy giờ đồng đạo tứ phương di cư về đây rất đông, do vậy nên có số người sanh tâm đổ kỵ, thành kiến tìm cách phê bình không tốt về Ông còn lưu truyền đến ngày nay.

Thời gian ấy Ông và thân mẫu mới tạo dựng được căn nhà nhỏ ở phía trên hành dinh của vị trí chỉ huy

trưởng Nguyễn Giác Ngộ, chớ từ trước tới giờ mẹ con Ông chỉ sống trên chiếc ghe nhỏ mà thôi.

10. TRÙNG TU TÂY AN CỎ TỰ

Thấy nhu cầu thuyết giảng càng lúc càng nhiều. Ông Thanh Sĩ bàn với ông Thiện Duyên tức là Ông Phan Bá Cầm: “Muốn bảo tồn Đạo pháp và thực hiện theo chí nguyện của Đức Thầy:

“Khắp bốn biển liên dây Hòa Hảo”

Hoặc là:

“Ước mơ thế giới lân Hòa Hảo,
Nhà Phật con Tiên hé miêng cười”.

Và Ngài cũng khuyên:

“Hàng ngày tra cứu kinh điển, dịch sách hay viết sách nói về Đạo Phật và hãy giảng giải đạo Phật cho đại chúng nghe hoặc giả mở trường giảng dạy Đạo Phật.

Nhứt là phải:

“Chấn hưng Phật Giáo học đường,
Dưới trên hòa thuận chọn đường qui Nguyên”.

Vậy hiện giờ chúng ta phải có kế hoạch, mở khóa dạy Giáo Lý để đào tạo thêm nhiều Đạo Đức Viên, hầu phái đi thuyết giảng giáo lý khắp nơi”.

Muốn thực hiện chương trình này trước hết phải “Trùng Tu ngôi Tây An Cổ Tự”, rồi cất “Phật Học Đường” để có nơi thuyết giảng thường lệ và mở khóa tu học Giáo Lý.

Trù liệu kế hoạch xong và được sự đồng ý của chỉ huy trưởng Nguyễn Giác Ngộ thế là cuộc “Trùng Tu chùa Tây An Cổ Tự” được bắt đầu.

Lúc mới Khởi công, ban trùng tu có ý định chỉ xây cất ngôi chánh điện bằng ngói, còn bao nhiêu tạm thời bằng cây lá cũng được. Cần yếu là phải có “Phật Học Đường” để kịp thời mở các khóa học. Song tinh thần hưởng ứng của bá tánh và đồng đạo khá cao, nên ngôi chùa mới được khang trang như đã thấy ngày hôm nay. Đến năm 1952 là khánh thành, Ông Thanh Sĩ có trách nhiệm thuyết pháp thường lệ mỗi tháng 2 kỳ tại đây. Thỉnh thoảng ông cũng có đi giảng các nơi khác. Trong các thời giảng ứng khẩu tại Tây An Cổ Tự, có đoạn ông giảng khuyên đồng đạo hãy vững niềm tin nơi Đức Thầy để lo tu hành, chờ đợi Ngài trở lại:

*“...Ở này đồng đạo ráng suy,
Thầy ta có thuở hồi qui định phần.
Xin đừng có lằm phân vân,
Không Thầy cái hội Phong Thần ai phong.
Chẳng qua mây án trời đông,
Bi hoan ly hiệp số phần phải cam.*

*Hỡi này đồng đạo nữ nam!
Thấy xa chó cảnh thiên lam còn gần...”*

11. ĐÀO TẠO GIẢNG VIÊN HOÀNG PHÁP

Vào đầu tháng Giêng năm Giáp Ngọ - 1954, Ban Quản Tự Tây An Cổ Tự đứng ra thành lập “Ban Hoàng Pháp”. Ông Thanh Sĩ được bầu làm Trưởng ban, cộng với 3 giảng viên là: Thiện Duyên, Thiện Ngôn và Thiện Hạnh. Ông Bùi Xuân Cự làm thư ký, ông Tám Hiếm làm giám trường.

Khóa “Đào Tạo Đạo Đức Viên” thứ nhất được khai mở vào ngày rằm tháng giêng năm Giáp Ngọ-1954, với thời gian 4 tháng. Sau cuộc thi mãn khóa, kết quả đậu được 22 giảng viên. Khóa học được đặt tên là “Hòa Hảo” ngay buổi lễ bế giảng. Sau đó ông mở luôn khóa thứ nhì, qua cuộc thi và bế giảng đậu được 30 giảng viên nữa, được mang tên là khóa “Tây An”. Trong số 52 giảng viên thi đậu, “Ban Hoàng Pháp” phân công họ đi thuyết giảng giáo lý khắp nơi và mở thêm nhiều khóa học nữa’. Trong số số giảng viên này có những vị như: Võ Như Sanh, Đặng Thành Tựu, Nguyễn Văn Nam, Bùi Văn Ưởng, Nguyễn Hà Khê, Nguyễn Văn Ti, Ngô Văn khởi v.v... Chín năm sau được trong Đạo mời vào Ban

Phổ Thông Giáo Lý Trung Ương. Còn số giảng viên khác thì tham gia vào Ban Phổ Thông các cấp tỉnh, quận, xã của Đạo.

12. Cuộc Đông du

Theo chương trình vạch sẵn, ông Thanh Sĩ định đầu năm 1955 sẽ mở một khóa học, thời gian 8 tháng, vừa dạy Hán Văn, vừa dạy giáo lý trung cấp; nhưng qua Tết ông lại thay đổi chương trình. Có lẽ ông đã đoán được thời cuộc xảy đến như thế nào, nên Rằm tháng Giêng ông đi Sài Gòn xin giấy phép xuất ngoại và Rằm tháng 2 năm Ất Mùi -1955 ông lên máy bay đi Nhật Bản. Với giấy phép là du học và nghiên cứu giáo lý Phật giáo, vì lúc đó trụ sở Phật giáo Quốc tế đặt tại Nhật. Khi lên đường ông có viết bài thi tứ cú để lại, nhưng chỉ viết có hai câu:

“Loạn Nam cơ Bắc khổ ai bi

Mượn cơ Đông Du đãi lệnh kỳ...”

Còn hai câu sau, ông hẹn ngày về sẽ hoàn tất.

Đầu tiên trong Đoàn thể chọn ông Thiện Hạnh (Văn Mại) cùng đi, vì ông Hạnh thông thuộc sinh ngữ Anh và Nhật. Song chưa đầy một tháng, trong Đoàn thể có việc cần nên ông Thiện Hạnh phải về và thay ông Lâm Văn

Lệ ra. Bởi lúc chưa đi ông Thanh Sĩ có dặn ông Lệ: “Khi đến việc anh ra với tôi nhen!”

13. Vào Đại Học

Khi tới Nhật ông Thanh Sĩ và ông Lệ xin vào học ở viện đại học Waseda, trường này người ta dành cho sinh viên quốc tế. Buổi đầu tiên gặp nhiều khó khăn vì hai ông chưa có bằng tú tài và Nhật ngữ. Nhưng sau khi tiếp xúc, họ thấy hai ông có trình độ trí thức, cộng với sự giới thiệu của Đại Sứ Việt Nam, nên cuối cùng cũng được Ban Giám Đốc chấp thuận. Chỉ học 3 tháng đầu, ông đã thông thuộc ba loại Nhật Ngữ³. Viện đại học này có tới 50 ngàn sinh viên, phần đông là sinh viên các nước (quốc tế) đến dự. Qua kỳ thi đệ nhất bán niên năm đó ông đậu hạng nhất toàn trường.

Sau khi được tin ấy, tối lại ông Thanh Sĩ nằm trên chiếc võng, ông Lệ đang ngồi học bài, cứ ít phút ông lại lén nhìn ông Thanh Sĩ một lần, lòng nghĩ thầm: “Mình đã biết tiếng Nhật từ trước mà nay học còn không muốn kịp. Còn ông này hàng ngày thấy học lướt qua mà nay đậu hạng nhất toàn trường thật lạ quá”.

³ Ba loại Nhật Ngữ: 1- Viết theo mẫu tự La Mã; 2- Viết theo chữ Hán; 3- Viết theo chữ thảo Katakana và Hiragana.

Hiếu được tâm trạng ông Lẹ, ông Thanh Sĩ cười ra tiếng, nói: “Minh đi tị nạn chớ học gì anh Lẹ, chỉ ôn lại vậy thôi”.

Từ đó về sau, ông Lẹ chẳng còn thắc mắc nữa. Qua năm thứ nhì (1956) thân phụ ông Lâm Văn Lẹ bệnh nặng, gởi thư kêu ông về. Ông Lẹ còn ngần ngại, nhưng ông Thanh Sĩ khuyên: *“Anh cứ về lo báo hiếu đi, tôi ở bên này một mình cũng được. Đấng nam nhi đâu đâu cũng là nhà, và vì tôi có bản nguyện: Noi theo chí của Đức Phật, Đức Thầy, trọn đời sống vì Đạo Pháp, vì cứu khổ vạn loại chúng sanh. Tôi cũng đã hoạch định chương trình, từ đây bắt đầu sáng tác những tác phẩm Đạo lý gởi về”*.

Lúc ở Nhật mặc dù bận việc học và dạy học, song Ông cũng dành thì giờ đến thăm Văn phòng “Ủy Hội Quốc Tế” và các tôn giáo ở Nhật để thực hiện chủ trương của Đức Thầy: “Khắp bốn biển Liên dân Hòa Hảo”, mà bốn phận của mỗi tín đồ phải có trách nhiệm.

Đây là một trong số “Lá Thư Đông Kinh” đề ngày 3-9-1957 từ Nhật ông gởi về báo tin việc ấy: *“Tôi đã giáp mặt “Ủy Hội Phật Giáo Quốc Tế và các tôn giáo Nhật Bản, trước mặt các vị Giáo chủ tôi đã nhiều lần trình bày rõ cái thảm trạng đạo giáo ở Việt Nam, ai nấy đều cảm động và quyết nắm tay nhau trên địa hạt “BẢO TIẾN PHẬT PHÁP, TRUYỀN MẠNH TINH THẦN*

THẾ GIỚI HÒA BÌNH”, trên mọi tầng lớp giai cấp. Giữa các vị các vị Giáo chủ cùng tôi đã tiến tới mức không còn thấy cách biệt nhau...”.

14. Dạy Học

Sau 4 năm học, Ông tốt nghiệp cử nhân và được Viện mời dạy ở viện đại học Waseda. Năm đầu Ông dạy Lịch sử và Giáo lý Phật giáo và Triết học. Qua năm sau Viện yêu cầu Ông dạy thêm các môn: Xã hội học, Kinh tế học và Ngôn ngữ học. Trong các năm sau cùng, ông không còn dạy cho sinh viên nữa mà dạy cho trên 5 ngàn giáo sư của Viện và còn dạy thêm bên Ngôn ngữ học Quốc tế.

Việc dạy học ông chỉ nhận số tiền lương rất ít để tượng trưng và làm phương tiện giao dịch với tôn giáo bạn và Ủy Hội Phật Giáo Quốc Tế. Mục đích chính của ông là truyền bá giáo lý, để cho mọi người được biết đến Phật Giáo Hòa Hảo. Cho nên Ông phải nhờ đồng đạo nơi quê nhà gởi giúp, Ông mới có đủ phương tiện thi hành công vụ.

15.- Đọc Cổ Kinh Phạn Ngữ

Thời gian ở Nhật, các cuộc Đại Hội Phật Giáo Quốc Tế Ông đều được mời tham dự. Đặc biệt có một lần quan trọng, khi đó Thượng tọa Thích Tâm Châu hướng dẫn phái đoàn Phật Giáo Việt Nam đến dự. Trong phiên họp ngoài chương trình thường thức họp bàn các vấn đề hiện tại và tương lai chung cho đạo Phật. Đại hội còn nêu một bản kinh Cổ Văn Phạn Ngữ Sanscrit mà từ lâu chưa ai đọc và dịch nghĩa thông suốt được, để các phái đoàn Phật Giáo thế giới xem coi ai có thể lãnh trách nhiệm này?

Đại hội Phật giáo lần này cũng như mấy lần trước, suốt mấy ngày hội họp chưa thấy ai giới thiệu ai. Đến ngày chót có Đại sứ Việt Nam lên tiếng giữa đại hội: *“Ông Thanh Sĩ vốn một cư sĩ tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo tại miền Nam Việt Nam có thể đọc và giảng bài kinh ấy”*. Nghe giới thiệu, cả đội Đại hội ai cũng vui mừng, đồng mời ông đứng lên cho tất cả biết mặt. Bảy giờ Thượng tọa Thích Tâm Châu trưởng phái đoàn Phật giáo Việt Nam quay lại, nhìn thấy ông Thanh Sĩ đứng trong hàng ghế Phật Giáo Việt Nam, Thượng tọa nửa mừng nửa lo, liền bước đến gần hỏi:

- Ông có dò thử nhẩm đọc và dịch giải được không

Ông Thanh Sĩ đáp:

- Tôi cố gắng chắc có thể được!

Thế là Ông được đại hội mời lên diễn đàn, ông đọc văn kinh bằng Phạn Ngữ, dịch giải lại bằng Anh ngữ và Nhật ngữ. Giải xong, cả đại hội ai cũng vui mừng tán thán. Khi tan hội, Thượng tọa mời ông Thanh Sĩ lại nhà nghỉ riêng đàm đạo rất lâu. Ông Thanh Sĩ có gởi cho Thượng tọa lá thư dặn đem về trao giùm cho anh Đỗ Thiện Ưng người gốc ở Định Hòa, Chợ Mới, hiện đang làm việc trong Nha Tuyên úy với Thượng tọa.

Khi về tới Việt Nam, Thượng tọa Thích Tâm Châu mời anh Ưng vào phòng riêng hỏi thăm lai lịch và sự liên hệ của anh với ông Thanh Sĩ... Đoạn rồi Thượng tọa thuật rõ cho anh Ưng nghe mọi việc trong Đại hội Phật giáo kỳ rồi ở Nhật. Đồng thời trao lá thư cho anh Ưng và nói: *“Đức Huỳnh Giáo Chủ có được người đệ tử như ông Thanh Sĩ thật xứng đáng. Đại hội Phật giáo kỳ rồi ở Nhật, chẳng những ông đã làm sáng tỏ cho Phật Giáo Hòa Hảo mà còn làm rạng rỡ cho Phật giáo cả nước Việt Nam chúng ta”*.

16.- Sự Nghiệp Đạo Lý

Về sự nghiệp đạo lý, thấy rằng suốt quãng đời của ông Thanh Sĩ, chỉ lo tu thân hành đạo và truyền bá giáo lý. Ngay từ lúc 15 tuổi Ông đã ngồi chép quyển “Giác

Mê Tâm Kệ” của Đức Thầy từ ngày này sang ngày khác để truyền rộng ra. Đến cuối năm 1943, Ông bắt đầu luận đàm đạo lý với mọi người và sáng tác thi thơ. Từ năm 1944 đến năm 1947, những Thi Thơ đạo của Ông được người bạn thân là Nguyễn Văn Tư chép lại trên 20 tập giấy, khoảng 2 ngàn trang. Nhưng rất tiếc vì qua thời kỳ binh lửa 1945-1947, số thi thơ này bị thất lạc, chỉ còn sót lại một ít bài, như đã ghi ở đoạn trước.

Từ tháng 4 năm Mậu Tý (1948), sau khi được sự chấp thuận của Đức Ông (thân sinh của Đức Thầy), qua sự chứng kiến và ủng hộ của Ban Chấp hành Tỉnh bộ Châu Đốc. Ông Thanh Sĩ đi châu thuyết các tỉnh Châu Đốc, Long Xuyên, Sa Đéc, Vĩnh Long, rồi Phú Lâm, Sài Gòn... Tất cả gần 50 vị trí, mỗi nơi Ông nói 1 giờ rưỡi đến 2 giờ. Thời giảng nào ông cũng thuyết nửa phần văn xuôi và nửa phần xướng ngâm thi thơ, toàn là ứng khẩu chớ không có soạn trước. Rất tiếc về nội dung các thời giảng ứng khẩu kể trên không ai ghi chép lại được.

Từ năm 1949 đến năm 1952, Ông cũng tiếp tục thuyết giảng như vậy. Thời gian này trong đạo có lưu giữ được một số bài của Ông đã viết, gồm trên 30 tác phẩm như: Châu Thuyết, Đám Mưa Giông, Tiếng Chuông Cảnh Tỉnh, Lời Khuyên Tu Hiền, Tỉnh Thế, Bán Dạ Đông Thiên, Cầm Xuân... Ngoài ra còn có hàng trăm bài thi thơ ngẫu, hoặc tự tác, hoặc họa đáp. Sau này in

chung lại thành hai quyển: Lời Khuyên Tu Hiền và Thi Lục. Trong Thi Lục có ghi lại những câu liễn Hán Văn mà ông đã viết cho các ngôi chùa như đã ghi lại ở đoạn trước.

Cho tới năm 1952 đến năm 1954, anh em trong Đạo mới nghĩ ra cách chép tốc ký những thời Thuyết Pháp Ứng Khẩu của Ông và lời giảng trong Khóa Giáo lý để in thành các quyển sách “Thuyết Pháp Ứng Khẩu”, “Chú Nghĩa” và cũng có đăng trong tạp chí Giác Tiến do Ban Hoàng Pháp TÂY AN CỔ TỰ ấn hành.

Sau ngày 25 tháng 2 nhuận năm Đinh Hợi (16-4-1947) Đức Thầy vắng mặt, mỗi nhà của toàn thể tín đồ trong Đạo đều có đặt bàn cầu nguyện cho Ngài mau trở lại dàu dất nhơn sanh.

Từ năm 1952 trở lại đây mới có tập trung làm lễ kỷ niệm ngày Đức Thầy xa vắng, tại Tổ Đình Hòa Hảo và trong các ngôi chùa, trụ sở và văn phòng của Đạo. Có lần sau khi hành lễ tại Tây An Cổ Tự, một số đồng đạo kéo đến tư gia ông Thanh Sĩ để thăm và nói:

- Ngày lễ kỷ niệm này, ai cũng tự động cầu nguyện, chúng tôi chẳng biết nguyện vái như thế nào cho đúng ý nghĩa, vậy nhờ cậu viết dùm cho một bài nguyện... Ông Thanh Sĩ rất ngần ngại song thấy đồng đạo yêu cầu mãi, nên Ông cầm bút viết liền 12 câu như sau:

“Đầu cúi lạy Ông trên Trời Phật ,

Lòng từ bi độ Đức Thầy con,
 Xác thân chẳng chút hao mòn,
 Minh vàng vẫn mạnh, vẫn còn như xưa,
 Những tai nạn được đưa qua khỏi,
 Các khổ lao phũ hết chẳng còn,
 Mau về diu dắt chúng con,
 Được đưa đến chốn vương tròn vị ngôi.
 Khiến đoàn thể hết hồi đổ máu,
 Cứu non sông sớm đáo quang vinh.
 Nay con có chút tâm thành,
 Cầu trên Trời Phật chứng minh cho lòng".

Còn điều đáng kể là đầu năm 1954, Ông soạn thảo 72 bài giáo lý, gồm Tu Nhân và Tu Phật. Năm ấy ông mở luôn hai khóa học, đào luyện được 52 giảng viên Hoằng Pháp cho Đạo.

Thời gian ở Nhật Bản, dù bận việc học và dạy học, nhưng Ông cũng dành thì giờ sáng tác kinh giảng. Từ năm 1957 tới năm 1967, Ông đã viết được 17 tác phẩm:

“Lời Làng Trong Mộng. Vạn Niên Huynh Đệ, Rằm Tháng Mười. Đây Là Phạm Thánh, Tiếng Nói Trong Hoa Sen, Hỡi Quê Nhà, Đã Chết Mà Sống, Tôi Còn Đây Mà, Tôi Không Quên. Ánh Sáng Từ Bi, Đường Giải Thoát,

Thần Cơ Thật Luận, Con Thuyền Đại Đạo, Đồi Mạt Pháp, Là Phật Tử, Tình Đạo Phật, Đến Liên Hoa”.

Những tác phẩm này toàn bằng vận văn, nhiều thể thơ khác nhau. Sau này in chung lại một bộ, tựa đề: “Hiển Đạo” dày khoảng 1300 trang. Ngoài ra Ông còn viết trên 630 lá thư hoặc dài hoặc ngắn gửi về quê hương để trả lời cho các cánh thư của đồng đạo từ tứ phương gửi sang thăm hoặc nghi vấn việc tu hành đạo đức. Về sau trong Đạo cũng sưu tập lại, in thành hai quyển, mang tựa đề là: “Lá Thư Đông Kinh 1 và 2”, dày khoảng 1000 trang, Ông cũng nói vào băng nhựa để đưa tiếng trực tiếp về quê hương, hiện giờ nhiều người còn lưu giữ.

Đại lược, tất cả tác phẩm của ông Thanh Sĩ gồm nhiều thể văn và nhiều thể thơ, lời luận giải đạo lý mỗi mỗi đều đúng theo tôn chỉ “Học Phật Tu Nhân” của Đức Thầy đã đề vạch. Phần văn thơ Ông viết không trau chuốt hoa mỹ, chỉ dùng tiếng nói bình dân giản dị, dễ nghe dễ hiểu; song phần ý nghĩa rất thâm sâu; những nhà tu hành có trình độ Phật học, khi xem đến ai cũng thì thầm tán thán. Về sự nghiệp xây dựng đời (xã hội), chúng tôi xin dành cho các tác phẩm khác... Vì ở đây chúng tôi chỉ sơ lược tiểu sử mà thôi. Vậy quý vị nào muốn tìm hiểu đầy đủ về văn chương, Đạo lý của

Ông, xin xem các tác phẩm vừa giới thiệu trên. tất sẽ tỏ rõ hơn.

17.- Bản Nguyên

Nhắc đến sự nghiệp giáo lý của ông Thanh Sĩ, chúng tôi không quên đề cập đến chí nguyện phổ truyền chánh pháp. cứu độ chúng sanh của ông. Ở đây chúng tôi cũng lược trích một vài đoạn, như trong tác phẩm “Đâu Là Phạm Thánh” Ông viết:

“Chừng nào được cứu an vạn vật,
 Đây mới là chịu dứt chuyển thân.
 Còn khổ đau một kẻ trên trần
 Đây còn phải lao thân khắp chốn.
 Nguyện cứu thế dù thân khốn đốn
 Cũng xem thường chẳng núng nao lòng...”.

Và trong tác phẩm “Tôi Không Quên”:

“Tôi không quên khuyên ai khá nhớ,
 Hỡi quê nhà lớn nhỏ gần xa
 Xác tôi nếu phải nghiền ra
 Cứu đời khỏi bệnh cũng là chịu ngay...”.

Hoặc trong tác phẩm “Vạn Niên Huynh Đệ”:

“... Xác này còn cũng quyết tiến lên,

Xác dù mất cũng nguyên lai thế.
 Đến chừng nào ngục môn đều bế,
 Không còn người tòi tệ mới thôi...”.

Thời gian sinh hoạt văn hóa và Đạo pháp trên đất Nhật, Ông thường viết thơ về an ủi mẹ và nói lên ý chí độ đời của mình”

“Mẹ ơi!

Lòng nhớ mẹ núi non không thể đo,
 Nhưng, chí độ đời biển cả khó so bì.
 Đường từ bi con quyết một lòng đi,
 Mỗi hiếu nghĩa trẻ nguyện ghi không để mất...”.

Và:

“Mẹ ơi!

“Vì dục vọng thói đời vô số kẻ,
 Muốn cứu đời phải tùy thế, tùy duyên.
 Khi phạm trần khi lại rất Thần Tiên
 Nhưng con vẫn tâm nối liền với Phật...”.

18.- GỖI DI CỐT VỀ QUÊ NHÀ

Đến mùa xuân năm 1972, Ông đang dạy học bổng nhiên lâm trọng bệnh, người ta đưa ông vào bệnh viện điều trị. Các bạn giáo sư, sinh viên thay nhau chăm sóc, viếng thăm... Theo các vị này kể lại thì vào đêm 26

tháng Chạp niên Nhâm Tý, nhằm ngày 29 tháng 1 năm 1973, sau khi đài BBC công bố bản Hiệp ước Ba Lê vừa xong là Ông dứt thở.

Nghe tin ấy, Ban Giám Đốc, các giáo sư, sinh viên của trường, cùng các bạn thân của ông đồng hội hợp để chuẩn bị làm lễ hỏa táng. Cuộc lễ cử hành vào đêm 31 tháng 1 năm 1973 tại YoYoBaTaSoYo (Đông Kinh Nhật Bản), với sự có mặt của ông bà Đỗ Minh Lý, ông Trần Bá Cang Đại sứ Việt Nam ở Nhật và một số đông quan khách đến dự. Ban tổ chức có đọc tiểu sử, do ông Ichiro Nagabuchi đảm trách. Đây là bản dịch từ Nhật Ngữ ra Việt Ngữ, chúng tôi xin ghi vào đây để mọi người cùng xem:

“Kính thưa quý vị,

Hôm nay trời lạnh, quý vị bận việc mà sẵn lòng đến đây đông đủ, tôi thành thật cảm ơn rất nhiều. Giờ đây đám táng ông Thanh Sĩ Trần Duy Nhứt đang cử hành.

Như tất cả quý vị đã biết, ở Việt Nam có một nền Tôn giáo Dân tộc rất lớn gọi là “Phật Giáo Hòa Hảo” mà ông Thanh Sĩ là một trong những người lãnh đạo cao minh. Sau khi Đức Huỳnh giáo chủ vắng mặt, đa số tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo nhất tâm ngưỡng mộ ông Thanh Sĩ là người thanh liêm cao cả, rất xứng đáng là một tín đồ gương mẫu.

Hồi tưởng 18 năm trước đây, để tránh sự đàn áp khốc liệt của tổng thống Ngô Đình Diệm, tháng 3 năm 1955, Ông cùng một đồng đạo lưu vong sang Nhật Bản, sống một cuộc đời kham khổ ở xứ lạ quê người. Có một thời kỳ ông vừa dạy học tại Đại học đường Waseda vừa dịch sách để sống qua ngày. Có lúc gặp khó khăn về tiền bạc, Ông trải qua những ngày khốn đốn nhứt. Nhưng có lẽ vì nhân cách hay vì đức độ của Ông mà trong cuộc đời lưu vong mặc dù đa nạn, Ông lại được nhiều bạn hữu và tri kỷ giúp đỡ. Tôi không thể kể hết tên từng người một, nhưng hôm nay tụ họp tại đây đông đủ mọi giới để làm công việc này với một tấm lòng nhiệt thành ưu ái đối với Ông.

Bất chấp sự sai biệt về chánh kiến, lý tưởng, tông phái, không phân biệt Đông. Tây. Nam, Bắc ông Thanh Sĩ luôn được nhiều người giao hảo viếng thăm. Trong phạm vi hiểu biết của tôi, Ông thường đề cập đến giáo lý Phật Giáo Hòa Hảo và Đức Huỳnh Giáo Chủ bậc thầy tôn kính của ông. Khi tiếp chuyện với bạn hữu, ông cũng thường nhắc đến Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, cựu Quốc Trưởng Phan Khắc Sửu và nhà chánh khách Nguyễn Bảo Toàn trên đường lưu vong qua Nữu Ước mà ông có dịp gặp. Ngoài ra ông cũng luôn ưu tư về hiện tình và tương lai của đất nước Việt Nam, mà có

lúc ông nghiền ngẫm suốt ngày đêm không ngủ. Có dịp bàn luận với ông về những câu chuyện kể trên, cho nên trong cảnh biệt ly này dường như những kỷ niệm ấy quay cuồng ẩn hiện trong tâm não tôi!

Năm rồi vào cuối tháng tư đột nhiên ông ngộa bệnh xuất huyết, nên vào bệnh viện Quốc lập Đông Kinh điều trị. Mặc dù thế, không một khoảnh khắc nào Ông có thể quên được những việc binh lửa ở cố hương, cũng như các tín hữu thân yêu từng người một. Hằng ngày ông liên tiếp trả lời những lá thư từ Việt Nam gửi qua. Để ông không phí sức, y sĩ điều trị phải cất giữ cây viết của ông, đặng ông không còn viết nữa. Với nền y học tân tiến hiện đại, với sự trị liệu đúng mức của người khán hộ, căn bệnh của ông thấy thuyên giảm lần lần và đem lại nhiều hy vọng; ông có thể xuất viện vào mùa xuân này. Thế nhưng mạng số thật quá trớ trêu! Một ngày sau khi nghe tin ký kết ngưng bắn ở Việt Nam, ngày 29 tháng 1 (1973), vào lúc hoàng hôn, đột nhiên ông trăn trở vì bệnh tái phát và từ đó sinh mạng của ông đã đặt vào sự hộ trì của Đức Phật.

Đối với đất nước Việt Nam, thật sự chúng tôi hy vọng ông sẽ đóng một vai trò trọng đại mà chúng tôi hàng thiết tha trông đợi. Nhưng hôm nay ông lại không còn nữa. Than Ôi! Cho dù có khóc cũng không sao với được, dòng lệ vẫn tuôn tràn!!!

Đêm nay làm như thế này, chúng tôi hội họp lại đây, mặc dù lập trường có thể khác nhau, nhưng niềm thương tiếc ông Thanh Sĩ vẫn là một. Chúng ta không thể phân biệt Đông, Tây, Nam. Bắc; đồng nhất tâm cầu nguyện cho ông trong đêm hỏa táng này.

Rồi đây di cốt của ông sẽ được đưa về cố hương mà hàng vạn và có thể hàng chục vạn tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo tề tụ lại hoặc ở Sài Gòn hay ở Long Xuyên, tổng Định Hòa nơi nhà của thân mẫu ông, để làm lễ an táng trọng đại theo nghi thức Phật Giáo Hòa Hảo. Hôm nay và tại đây các bạn hữu và những tri kỷ của ông chỉ làm lễ này với một cách đơn giản, với bao tấm lòng thương tiếc chân thành!

Tôi cũng không quên nhắc nhở đến vị Đại Sư mà lúc sanh tiền ông Thanh Sĩ rất kính mến. Vị sư này đã mấy lần sang Việt Nam và có đến viếng Tổ Đình Hòa Hảo, ông tên là ÔMÔRI SOGEN, trụ trì chùa KOBOIN, chính ông đứng ra cử hành lễ hỏa táng này.

Sau khi cuộc lễ chấm dứt, mời quý vị cùng chúng tôi, dùng những thức ăn đạm bạc cho đến khi mãn giờ và cùng nhau nhắc lại những mẫu chuyện chung quanh ông Thanh Sĩ để thỏa lòng thương tiếc”.

Ngày 31 tháng 1 năm 1973 (7 giờ đêm) Tokyo

Lễ hỏa táng xong, người ta đặt di cốt của ông vào bình pha lê, giao sang một người Nhật đại diện cho bên này, chuyển bình di cốt cùng tấm ảnh của ông lên máy bay đưa về Việt Nam. Khi về tới nhà ông Hoài Ân (Sài Gòn) mới liệm vào quan tài. Đến ngày 12 tháng giêng năm Quý Sửu -1973 đưa về Định Hòa (Ông Chưởng). Từ Sài Gòn về Vàm Cống di chuyển bằng đường xe. Từ Vàm Cống về Định Hòa đi bằng đường thủy. Cuộc đưa rước linh cữu của ông rất trọng thể, trên 500 chiếc tàu thuyền đủ loại và có hàng vạn người tham dự. Đến ngày rằm tháng Giêng năm Quý Sửu (1973) mới làm lễ an táng, năm ấy ông được 46 tuổi.

Trong buổi lễ an táng ông, ngoài số đông đồng đạo, còn có các quan khách, tôn giáo bạn, các cấp trị sự Phật Giáo Hòa hảo và hàng ngàn khóa sinh đã và đang tu học trong các khóa Đạo đến dự đông đủ. Ban Tổ chức có đọc tiểu sử và điều văn cho ông một lần nữa, đây là bài văn điệu:

“Than ôi! Một cánh sao trời rơi lạc.

Một cụm huyền già mái tóc sương che!

Cho hay, sinh là ký tử hồi quê,

Măng tuy sớm rữ mà danh ấy thọ!

Nhớ tôn Linh xưa!

Giáo pháp vẹn gìn, hoằng dương lập tánh,

Nặng nợ Đạo, vai gầy trọn gánh.
 Trọng ơn thầy dạy trẻ bên trau,
 Đường tu học, nghĩa cù lao,
 Vui thanh đạm, vui câu kinh kệ.
 Thầy một buổi xa rời tử đệ,
 Nhớ công thầy nào nệ phận thư sinh.
 Thầy tuy xa nhưng còn lại giảng kinh,
 Kinh giảng đó tận tình người chiết giải.
 Nẻo tu học, nợ tổ tiên, nợ đồng bào nhân loại,
 Nghĩa sanh thành, ân Tam Bảo, ân đất nước quê hương.

Hai mươi một xuân xanh đã ôm hoài bão phi thường,
 Đi thuyết giảng Đạo của thầy khắp nẻo đường đất nước.

Cửu Long Giang nước đôi dòng xuôi ngược.
 Tâm Già Lam chỉ một thiện nhân,
 Khuyên đồng bào làm lành tránh dữ học chuyên cần.
 Danh Thanh Sĩ không mấy lúc được xa gần mến phục.
 Lời ứng khẩu vẫn khôn lường hoa bút,
 Luận nghiệp duyên lý sáng nghĩa từ bi.
 Ôi! Kiếp phù sinh gấm kỹ có ra gì,
 Sầu khổ đó, rồi cười vui, rồi chết!
 Mà đời được bao người biết đào sâu Phật triết.
 Để mang cái “KHÔNG” giáo thuyết khắp Ta bà.
 Thói thường gặp hiểm nguy mới nhớ Đức Di Đà,

Lúc thông thả thì cười hoa cợt gió.
 Thấy chưa đủ huyền năng để lái thuyền phỏ Độ.
 Mới viết giảng kinh thêm thi phú khuyên đời.
 Trên 30 tác phẩm ròng rã mấy năm trời.
 Công nghiệp ấy vẫn chưa bao nhiêu người cặn nghĩ.
 Xiết bao nỗi ưu sầu, tìm đèn lặn, nước mắt đầy.
 Nghe gió gào mưa, một mình những canh chầy âm ỉ.
 Nghĩ chuyện Đạo với đời không thể năm chờ tháng
 đợi.

Luống xốn xang lòng vị tha, thiết tình nghĩa sư môn.
 Mới lìa nhà, lìa cửa chiếc gánh giang sơn.
 Một nước, một Trời, mảnh buồm phong thủy.
 Đoàn để Đức cù lao chín chữ chưa đền.
 Vì nguyện ước giúp Đạo, giúp thầy chưa phỉ.
 Đất Phù Tang sử ghi thêm danh Thanh Sĩ,
 Một hàn sinh, một tu sĩ Việt Nam.
 Người không làm công việc của Đức Huyền Trang.
 Mà nghiền ngẫm đọc cả kho tàng Phật sử.
 Về kiến thức cổ trau dồi sinh ngữ,
 Để phỏ truyền giáo lý của Tôn sư.
 Hỡi ôi! Bước ly hương tính đã 18 năm dư.
 Rồi nắm di cốt được đưa về cố thổ.
 Trời Long Kiến mịt mù gió thổi,
 Tiếc thương người đạo hạnh ngậm ngùi thay!
 Nước An Giang lồng lộng bóng mây,

Nhớ bậc anh tài đau đớn nhe!
 Ánh đạo vàng hai lẽ sắc không.
 Đấng tạo hóa khắt khe chi lắm thế?
 Hai khóa hoằng Pháp hao hơi nào sá kể,
 Chùa Tây An công hạnh ấy để ngàn thu.
 Những tưởng nâng đuốc từ soi rạng đường tu,
 Thi ân chín chữ phải đền bù bằng công đức.
 Nào hay, ngày vĩnh biệt cách lời khuất mặt.
 Để nhà huyền héo hắt lệ từ ly.
 Nghĩa dưỡng sinh ngưng đọng ngập bờ mi.
 Tình mẫu tử lầy gò ngăn cảm xúc.
 Trên hương án khói nhang trầm nghi ngút,
 Trước linh đài sùi sụt nỗi niềm thương.
 CẬU HAI ôi! Ba tiếng ấy đoạ trường,
 Nó quen thuộc, nó gói trọn tâm tình bát ngát.
 CẬU HAI ôi! Thân tứ đại của Cậu giờ đây tan mất,
 Nhưng trong lòng chúng tôi Thanh Sĩ vẫn còn,
 Từ dáng dấp cao gầy với gương mặt xương xương.
 Hình ảnh đó chúng tôi làm sao quên được.
 Anh Linh Cậu về nơi non bồng nước nhợt.
 Xin đừng quên non nước Định Hòa.
 Kỷ niệm dù lùi lại chốn xưa xa,
 Mà ba tiếng CẬU HAI Nhỏ đâu đây còn văng vẳng.
 Tây An Cổ Tự tháng năm luôn sừng sững,
 Thì cố nhân đây lòng chẳng đổi dời.

Tiếc thương lệ đã nghẹn lời! !

Vĩnh biệt!... Hỡi ôi! ! !”

Rằm tháng Giêng năm Quý Sửu -

(17 tháng 2 năm 1973).

Hiện giờ phần mộ của ông và thân mẫu còn nằm tại nhà cũ ở xã Long kiến (Long Giang), huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, phía trên ngôi Tây An Cổ Tự khoảng 800m.

19.- KẾT LUẬN

Xuyên qua lược sử của ông Thanh Sĩ, thấy rằng suốt cuộc đời tu hành và truyền Đạo của Ông hoàn toàn trong sạch đúng với pháp danh Thanh Sĩ. Thời gian 12 năm ở nước nhà (kể từ năm quy y hành đạo 1943) và 18 năm trên đất Nhật, ông không hề vướng bận quyền tưước vị danh; chỉ vì Đạo pháp, vì cứu khổ chúng sanh. Ông quả là một đệ tử trung thành và gương mẫu trong đạo Phật Giáo Hòa Hảo. Bởi lúc nào ông cũng thực hiện theo hạnh nguyện và lời chỉ giáo của Đức Thầy. Ông là người đầu tiên vạch ra chương trình Hoàng Pháp để bảo trì Đạo giáo trong thời kỳ Pháp nạn. Đúng theo lời giáo huấn của Đức Tôn Sư:

“Đạo diệu mầu gặp lúc truân chuyên,
Phận môn đệ phải lo vun quén.”

.....

“Nên cố gắng trau thân gìn đạo
Hiệp cùng nhau truyền bá kinh lành,
Làm cho đời hiểu rõ thanh danh,
Công đức Phật từ bi vô lượng”.

Và:

Chớ chia rẽ phải đồng tâm lực,
Khua giọng vàng đánh thức bốn phương.
Chấn hưng Phật giáo học đường,
Dưới trên hòa thuận chọn đường qui nguyên”.

Là người hiểu biết ít nhiều về ông Thanh Sĩ, chúng tôi trộm nghĩ hễ mang lấy xác thân con người dù ai cũng phải chịu chi phối bởi định luật thành, trụ, hoại, không. Nhưng đối với bậc thâm sâu giáo lý nhà Phật như ông Thanh Sĩ thì sự còn mất không phải là vấn đề. Vậy tùy theo khái niệm nhận thức của mỗi thức giả thế nào, là thế!

Giờ đây tuy hình bóng Ông xa cách, nhưng tinh thần Ông vẫn còn chan hòa trong lòng của mỗi chúng ta. Cũng như lời pháp nhũ của ông vẫn mãi còn vang động cả không gian và thời gian vô tận. Ông là tấm gương sáng chói, là người đáng thương, đáng kính và đáng ghi vào trang sử Đạo, cho đời sau noi dấu.

Định Hòa, ngày 26 tháng 12 niên Mậu Dần -1974,

Kỷ niệm ngày ông Thanh Sĩ xa vắng năm thứ
2(1973-1974)

**Cựu Giảng viên Ban Hoằng Pháp
Khóa Hòa Hảo.**

HẾT PHẦN LƯỢC SỬ ÔNG THANH SĨ

II.- PHỤ TRANG (Yếu Pháp Tu Hành)

Xem qua lược sử của ông Thanh Sĩ, chắc chưa đọc giả đều nhận ông là một tín đồ của Đức Huỳnh Giáo Chủ Phật Giáo Hòa Hảo, cũng như 5 triệu tín đồ khác. Song có điểm đặc biệt là ông sớm lãnh hội được đường lối, giáo lý của Ngài. Đường lối ấy là tôn chỉ “Học Phật Tu Nhân” và giáo lý ấy là “YẾU PHÁP THIỀN TỊNH SONG TU”⁴.

Vì thế, sau ngày Đức Thầy xa vắng chưa đầy một năm là ông đứng ra làm nhiệm vụ vun quén đạo mầu, nhắc nhở đồng môn, cùng lo tu tiến, lúc ấy ông mới lên 21 tuổi. Nếu ai có dịp đọc qua những tác phẩm luận giải, hoặc thi thơ tự tác, hoặc lời ứng khẩu của ông trên 3000 trang giấy, chúng ta sẽ thấy nội dung không ngoài ý nghĩa nhằm triển khai tôn chỉ và yếu pháp của Đức thầy đã đề vạch.

Do đó, trong chương Phụ Trang này chúng tôi trích lược một ít tác phẩm ngắn của ông đã luận giải... để giới thiệu cùng bạn đọc:

⁴ Chúng tôi có hỏi ông Thanh Sĩ: “Trong giáo pháp của Đức Thầy ông tu pháp nào chuyên nhất?”. Ông Đáp: “Tôi niệm Phật chánh định theo bài Chư Phật Có Bốn Đại Đức của Đức Thầy chỉ dạy”.

NẦY GIỜ PHẬT CÓ VỀ ĐÂY CHẲNG?

Phật đâu đi lại Phật nơi nhà,
 Phật vốn tại lòng của chúng ta.
 Trí được tịnh thanh là Phật ở,
 Tâm còn xao động Phật liền xa.
 Nghe lời quyến rũ lòng không nhiễm,
 Thấy sắc mơn man dạ chẳng tà.
 Đi đứng ngồi nằm cần tưởng chánh,
 Thường hành bình đẳng kiến ma ha.

TỊNH TÂM

Mãi mãi tịnh lòng thế mới hay,
 Nằm ngồi đi đứng chẳng tà tây.
 Tịnh giờ tịnh khắc hơn ngồi thất,
 Làm Phật làm Thần giữ cách đây.
 Đừng tưởng ngồi thiền lòng được lặng
 Chớ lầm nhập định tánh không lay.
 Phải thường ở chỗ thường huyền náo,
 Lòng vẫn tịnh luôn trí huệ khai.

.....

Tịnh chỗ nói làm tịnh với ta,
 Tịnh Không tính ác nói năng tà.
 Tịnh non chẳng đúng gương Từ Thị ⁵

⁵ Từ Thị: là danh hiệu của Bồ Tát Di Lặc. Vào núi mà ngồi tịnh không đúng với gương Đức Di Lặc

Tịnh Thất không phù đạo Thích Ca.⁶
 Tịnh thể Trường Sanh tầm điểm lữ,⁷
 Tịnh như Đạt Ma tách rừng già.⁸
 Tịnh Bồ Đề tánh câu vô ngại
 Tịnh vượt nhơn sanh khỏi ái Hà
 Phú Lâm, Ngày 10-4-1948 (Thi Lục)

PHẬT Ở ĐÂU

Phật ở đâu khi có người hỏi tới,
 Chỉ vào tâm tôi liền nói ở đây.
 Lặng lẽ nghe, lặng lẽ ngó đêm ngày,
 Sẽ thấy Phật từ xưa nay ở đó.
Dùng tâm ngó không nên dùng mắt ngó,
Lấy tâm nghe đừng có lấy tai nghe,
 Ngó nghe luôn trong lòng chẳng bỏ bề,
 Bộn lộn tặc hết lăm le khuấy rối.
 Ấy là diệu pháp về phương đối nội.
 Nhưng còn bề đối ngoại cũng nên phòng,

⁶ Vào am thất ngồi tịnh cũng chẳng hợp với chánh pháp Vô Vi của đức Thích Ca

⁷ Lưu Trường Sanh hành đạo trong nhà điểm để độ 50 gái điểm giác ngộ tu hành.

⁸ Đạt Ma Tổ Sư: Tổ Thiền Tông thứ 28, ra khỏi thiên thất để nhập thế khai đạo cứu đời (Hòa quang đồng trần).

Lấy giới răn làm vách sắt thành đồng.
 Dùng trí tuệ từ tâm phong tượng tá.
 Cảnh đau khổ mê si nguyên giải phá,
 Cho khắp nơi thiên hạ được an vui.
 Đổi trần gian thành Cực Lạc tốt tươi,
 Khiến ai cũng là người Bồ Tát.

19-10-1968 (Lá thư Đông Kinh 1)

TÂM GIAO – (TÂM THU’ HẢI NGOẠI)

TÂM lấy tâm giao ấy Phật truyền,
THU’ lời có một nghĩa muôn thiên.
HẢI dương quy cả muôn dòng nước,
NGOẠI giới không hề cách nội biên.

TÌNH PHẬT

Nếu tâm vị ngã chưa tiêu,
 Nhớ theo tình Phật chớ theo tình đời.
 Tình đời chỉ mấy tác hơi,
 Tác hơi ấy hết thì đời cũng tiêu.
 Đâu bằng tình Phật cao siêu,
 Từ đời giả tạo đến liêu miên trường.
 Nên tình ấy thật tình thương,
 Thương cơn sống gởi thương đời thoát ly.
 (Trích trong: Lá thư Đông Kinh 1)

CHỦ TÂM

Vạn sự do tâm phải chủ tâm

Cho tâm sanh Phật chớ sanh phàm.
 Nhiệt tâm cầu Phật cầu siêu thoát,
 Đòi sẽ tan dần những muốn ham.

.....

Xét tâm thấy tâm chủ tâm,
 Chuyển phàm ra thánh tự làm lấy ta.
 Tâm và cảnh phải thấy ra,
 Nhưng tâm chẳng để vướng qua cảnh đời.
 Chuyện xưa hay chuyện hiện thời,
 Cũng là nhớ hết nhưng thôi không làm.
 Khi người thật chủ được tâm,
 Tự do không cảnh nào làm tâm mê.
 Tại mình chớ có chấp nê
 Hãy xem sen chẳng hề chê bùn lầy.
 (Trích trong: Lá thư Đông Kinh 2)

NHÚT TÂM

Phải quán triệt tâm mình,
 Tập trung tâm là một.
 Vượt qua biển tử sanh,
 Đi thẳng vào cõi Phật.
 Nguyên Phật với tâm thông,
 Nhớ kiếm tâm ngoài cảnh.
 Phải tìm tâm trong lòng,
 Ở đâu tâm cũng ngó.
 Động tịnh tâm thường trông.
 khi chủ tâm vô ngại,
 Phàm liên Phật cũng đồng
 (Trích trong: Lá thư Đông Kinh 1)

CHƠI GIÁC NGỘ

Tát cạn sông mê là việc khó,
 Lấp bằng bể khổ để gì đâu.
 Tuy nhiên khó dễ, không do cảnh,
 Do ở tâm người giác cạn sâu.
 Cảnh do tâm mà biến,
 Tâm do cảnh mà sâu.
 Tâm cảnh đều không cả,
 Biến sâu có do đâu.
 Thiệt chơi giác ngộ tâm và cảnh,
 Phàm Thánh cách nhau một ngoáy đầu.
 Tưởng Như Lai ở xa đâu,
 Không dè sò có hột châu trong mình.

Ngày 23-8-1966 - (LÁ THƯ ĐÔNG KINH 1)

CHỊ HẰNG

Thầy Tiên môn đệ tục,
 Đạo chánh tín đồ tà.
 Cha hiền sanh con dữ,
 Ưc bụng chị Hằng Nga.

Hằng Nga bóng vẫn sáng,
 Mặc dù nhiều mây áng.
 Khi ngọn gió thổi qua,

Ánh trăng hườn tỏ rạng.

Tỏ rạng là ánh trăng,
Mây không thể cản ngăn.
Cản ngăn chỉ phí sức,
Không thắng nổi chị Hằng.

Chị Hằng soi thể gian,
Cho kẻ tối thấy đường.
Không vì câu danh lợi,
Vạn cổ vẫn minh quang.

Minh quang ánh của trăng,
Như minh quang đạo hằng
Khoảng thể gian càng tối,
Ánh quang minh càng tăng.

Ngày 16-6-1964 – (LÁ THƯ ĐÔNG KINH 1)

RÁN TU

Rán tu để giải khổ đời,
Rán tu để gội rửa đời bợn nhơ.
Rán tu để phúc hiện giờ,
Rán tu để có phước chờ mai sau.
Rán tu chớ nại gian lao,
Rán tu trong lúc đời đau khổ nhiều.
Tu cho dân nạn ách tiêu,
Tu cho nước khỏi những điều đao binh.

Tu cho vui kẻ vui mình,
Tu cho no ấm thanh bình khắp nơi.

Tu là chẳng những tốt tươi,
Mà tu còn giúp cho người siêu sanh.

Cho nên phải rán tu hành,
Dù rằng sống giữa cảnh tình đảo điên.

Ngày 7-7-1967 - (LÁ THƯ ĐÔNG KINH 1)

TÌNH THƯƠNG

Khổ đau vì bởi thiếu tình thương,
Khiến mấy mươi năm họa chiến trường.
Nếu biết yêu nhau yêu Tổ Quốc,
Thì đâu đến nỗi cảnh tàn tương.

ĐẠO CỨU KHỔ ĐỜI

Đạo cứu khổ đời mới lập ra,
Đạo chung bá tánh chẳng riêng ta.
Nên làm mỗi Đạo tràn thiên hạ,
Chớ để Đạo trong một xó nhà.

....

Đạo cùng tương trợ với tương thân,
Mỗi Đạo chớ cho nguội lạnh dần.
Ngon đước từ bi cần nổi sáng,
Cho hòa cả nước phước toàn dân.

(Ngày 27-11-1969 - LÁ THƯ ĐÔNG KINH 1)

TÌNH HÒA HẢO

Hòa Hảo thì phải Hảo Hòa,
 Không Hòa Hảo được còn ra nghĩa gì?
 Có Hòa Hảo mới quang huy,
 Không Hòa Hảo tất nhiều bi sầu đời.
 Hãy nên nghĩ đến ngày mai,
 Tín đồ Hòa Hảo khắp nơi cùng Hòa.
 Hòa nhau tạo phúc nước nhà,
 Và đem lại cảnh bình hòa toàn dân.
 Cùng vui nhẹ việc cá nhân,
 Nặng tình vì Đạo, Nước, Dân mất còn.
 Ấy là bia tạc sử son,
 Cửa Đạo của phái của con Lạc Hồng
 Tình tư khó giải việc công,
 Việc công giải được phải chung tâm tình.
 (29-10-1971 - LÁ THƯ ĐÔNG KINH 1)

ĐẠO TỪ BI (Bát cú khoán thủ Thi)

PHẬT là giác ngộ cái chơn tâm,
GIÁO Đạo vô vi lý tuyệt trầm.
HÒA hợp từ bi năng Hỷ Xả,
HẢO cầu bác ái dẹp thù thâm.
NGUỒN tâm mãnh lực trừ tham ái,
GỐC tánh oai hùng trị dục tâm.
TỪ mẫn độ tha trong bá tánh,
BI tràn lê thứ biết hồi tâm.

(Mậu Tý 1948 - Thi Lục)

ĐOÀN KẾT THÔNG NHÚT

(Bát Khoán Thủ Thi)

PHẢI nghĩ ngày mai mỗi đạo trường,
CẦN nhau nối lại một niềm thương.
PHẬT môn mở rộng an gia quốc,
GIÁO pháp truyền xa cứu thế dương.
HÒA ý được nhau nền Đạo thanh
HẢO cơ khéo nắm thể thân cường
THỐNG tâm chẳng nhĩ bầy côi cút.
NHÚT quyết đi chung một lối đường
(25-12-1963 - LÁ THƯ ĐÔNG KINH)

KỶ đảo anh em tỉnh mộng trần,
NGUYỄN vì đạo cả hiến riêng thân..
PHẬT ngôn tin tưởng quên thù ghét,
GIÁO giới tôn sùng bỏ rẽ phân,
HÒA thuận dưới trên lo chánh đạo
HẢO hiền lớn nhỏ giúp nhân dân.
THỐNG qui một mối là vinh hạnh,
NHÚT trí mau lên chớ ngại ngần.
25-12-1963 - (LÁ THƯ ĐÔNG KINH 1)

....

THỐNG khổ muốn cho khỏi kéo dài,

NHỨT tâm đoàn kết kể từ nay,
 PHẬT thầy đã dạy nên thương lẫn
 GIÁO chủ thường khuyên phải nắm tay.
 HÒA sức cùng nhau lo cứu quốc,
 HẢO tâm tất cả giúp nhân loài.
 LÀM an dân nước quang minh đạo
 TRƯỚC phải một đường chớ rẽ hai,

NIỆM PHẬT

Niệm Phật lúc nào cũng niệm luôn,
 Nằm ngồi đi đứng niệm không buông,
 Lúc chưa thuần thực còn xao động.
 Khi đã rành quen hết rồi cuồng.
 Đứt đoạn buổi đầu đừng thói chuyển,
 Nói liền phút cuối sẽ tròn vuồng,
 Dù thiền, dù tịnh dù muôn pháp,
 Tự chủ nơi tâm ấy cội nguồn.
 (LÁ THƯ ĐÔNG KINH 1)

TRÍCH LỤC “ĐỜI MẠT PHÁP”:

***“...Tám muôn bốn ngàn pháp,
 Vào thời kỳ mạt kiếp;
 Để tu có một môn,
 Niệm A Di Đà Phật,***

**Mọi tội lỗi tiêu tan,
 Các vọng tâm biến mất;
 Niệm Phật một lòng thành,
 Đủ sanh về Phật quốc.**

(ĐỜI MẠT PHÁP)

**Tất cả tấm lòng thành,
 Gồm vào một niệm Phật;
 Khi niệm ấy phát lên,
 Vang rền trong trời đất.
 Rừng mê cháy sạch không,
 Biển khổ lấp bằng mặt;
 Chỉ trong cái hoát nhiên,
 Thấy rõ Tam Thế Phật.**

(ĐỜI MẠT PHÁP)

.....

Bất luận là kẻ trí người ngu,
 Đều có thể trì câu Lục Tự.
 Thật niệm Phật dứt lòng hung dữ,
 Quyết tu hành bỏ sự gian phi;
 Lợi danh đời lòng chẳng thiết chi,
 Đường giải thoát cố đi cho tột.

(ĐỜI MẠT PHÁP)

**Đi đứng niệm Di Đà,
 Nằm ngồi trì Lục Tự;
 Thức cũng tưởng A Di.**

***Ngủ cũng ghi Sáu Chữ.
Nói cũng nhớ Nam Mô,
Nín cũng ôm Phật Sự;
Cực Lạc muốn Vãng Sanh,
Cứ y hành như thử.***

Mật ý bảo rằng dù đa sự,
Cũng thăm ghi sáu chữ Di Đà;
Niệm Phật tâm chẳng chút nào xa,
Tất không chỗ để tà ý khởi.
Chỉ một niệm cầm lòng đi tới,
Phật Tây Phương sẽ gọi đến tên;
Chốn Liên Trì sen báu nở lên,
Khi mãn kiếp ngồi trên chín phẩm.
(ĐỜI MẬT PHÁP)

.....

*Ở chỗ vắng không người,
Cũng như nơi đông hội;
Bình tĩnh niệm A Di,
Chăm nom Bồ Đề cội.
Nếu tà ý còn sanh,
Bởi Phật tâm còn rối;
Khéo điều khiển lòng mình,
Đường Tây Phương một lối.*

.....

“...Muốn cho Phật Di Đà lai viếng,
Trong lòng đừng vắng tiếng Nam Mô;

Có thật mời thì kẻ mới vô,
 Không thềm gọi ai mà bước đến.
 Mong về Phật cõi phàm chớ mền,
 Muốn nên Tiên tách bến hồng trần;
 Phải quyết tâm chớ có ngại ngần.
 Quang âm cứ xoay vần chẳng đợi..."

.....

*Bụi trần tuy bao phủ
 Sơn sắc vẫn một lòng
 Mây qua trắng lại tỏ
 Sóng lặng biển huòn trong
 A Di không ngót tường
 Đà Phật vẫn hằng mong
 Nguyên sanh về Cực Lạc
 Chẳng thích ở trần hồng
 Được phát tâm như thế,
 Chúng sanh đó thành công..."*

...

**Niệm A Di Đà Phật
 Nói liền không hờ dứt
 Lục tặc hết đường sanh
 Tam bành không chỗ xuất
 Tan dần nẻo ngục môn
 Hiện rõ đường Lạc Quốc.
 Sức mầu nhiệm vô cùng,
 Khi được chơn công đức.**

....

“...Phá tan hết rừng mê,
 Lấp bằng hết biển khổ.
 Chung lo việc vãng sanh,
 Chung lo việc hóa độ;
 Đồng tâm niệm Di Đà,
 Đồng soi gương Phật Tổ.
 Thế giới được quang minh
 Nhơn sanh hết thô lỗ;
 Ai cũng thiện như nhau,
 Cõi Ta Bà hết khổ...”
 “... Không tham của dương thế,
 Chẳng nhiễm cảnh Ta bà.
 Nguyện vãng sanh Cực Lạc,
 Quyết được tọa Liên hoa;
 Tâm không rời Phật tổ,
 Lòng chẳng cách Di Đà.
 Luôn luôn lo tự giác,
 Thường thường nhớ giác tha...”

.....

“... Vừa tự độ lấy mình,
 Vừa cầu xin Phật giúp;
 Biết lợi được có thuyền,
 Tất khỏi lo chết ngụp.
 Lợi ích cả hai phương,
 Tự lực và tha lực;
 Chúng sanh có nhiều người,

Quá ý lại nơi Phật
 Chỉ niệm Phật cho nhiều,
 Không lo hành đạo đức;
 Ngoài miệng niệm Nam Mô,
 Trong lòng còn tích ác.
 Thế là trái tu hành,
 Thế là trái lời Phật;
 Phật chỉ độ hiền lương,
 Phật không độ hung ác.

.....

Nên lấy tâm công bình,
 Nên lấy lòng chơn chất;
 Để mà niệm Di Đà,
 Để mà cầu chư Phật
 Thế mới gọi nhà tu,
 Thế mới gọi đạo đức;
 Niệm thế sẽ chứng thành,
 Niệm thế sẽ hiệu lực.
 Ấy là chơn tu hành,
 Ấy là chơn niệm Phật;
 Nam nữ cõi thế gian,
 Niệm như vậy khỏi lạc.”

.....

“... Nếu mình cố gắng lo tu dưỡng,
 Tất Phật không hẹp lượng với mình;
 Phật từ bi cứu độ chúng sinh,

Chẳng phụ kẻ hữu tình với Phật.
 Người niệm Phật được lòng thành thật,
 Đương nhiên là có Phật vắng lai;
 Phật không hề bỏ sót một ai,
 Nếu người ấy tâm hoài đến Phật
 Trừ những kẻ lòng đầy gian ác,
 Niệm Phật trong giây lát rồi thôi;
 Hoặc những người niệm Phật ngoài môi,
 Trong lòng chẳng thật người tin Phật
 Cứ giả dối chỉ thêm tội ác,
 Không bao giờ được Phật hộ trì;
 Chớ tưởng rằng Đức Phật từ bi,
 Độ tất cả bất tri lành dữ.
 Biết niệm Phật rán làm thiện sự,
 Phước sanh thì nghiệp dữ tiêu đi.
 Nếu người không gây tội lỗi gì,
 Thêm niệm Phật càng qui Phật chóng.
 Ví như kẻ của tiền dư đọng,
 Mà làm thêm chắc đặng mau giàu;
 Còn người nghèo mà biết cần lao,
 Tất là khỏi bị câu đói rách..."

(ĐỜI MẠT PHÁP)

Trích Trong Quyển "LÀ PHẬT TỬ":

"... Là Phật tử trước khi bỏ xác,
 Biết chọn đường Cực Lạc đi ra;

Theo chư Phật chẳng theo ma,
 Linh hồn không để đọa sa Diêm Phù.

....

Là Phật tử mong qua Tịnh độ,
 Đi chớ ngồi một chỗ không xong;
 Phải cần bồi đức lập công,
 Để làm phân bón cho lòng Nam Mô.
 Là Phật tử bao giờ cũng tỉnh,
 Không để cho bị cảnh rối lòng;
 Di Đà thường niệm bên trong,
 Dù rằng đang bận lắm công việc gì...
 Là Phật tử không vui riêng hưởng,
 Muốn cho ai cũng sướng vui chung;
 Vui câu đạo pháp vô cùng,
 Con đường giải thoát muốn đồng được vui.
 Là Phật tử chán mùi tục lụy,
 Ôm một lòng trực chỉ Tây Phương;
 Muốn cho người cõi trần dương,
 Cầu sanh Tịnh độ mở đường thoát ly.

.....

Là Phật tử lòng hằng nhớ Phật,
 Như đứa con thất lạc mẹ cha;
 Lúc nào cũng nhớ tưởng ra,
 Muốn cho sớm gặp mới là ưng tâm.
 Là Phật tử âm thầm tưởng Phật,
 Không nói ra chẳng phút nào quên;
 Mỗi khi ý quấy khởi lên,

Tự mình cảm thấy rất nên then thua...
 Là Phật tử cho kham chí nguyện,
 Tất nhiên là toàn thiện đường tu;
 Xác phàm mà chẳng phàm phu,
 Tây Phương ký hiệu, Diêm Phù rút tên...
 Là Phật tử luôn luôn tịnh niệm,
 Lóng sạch lòng cho kiến bốn tâm;
 A Di Đà Phật niệm thầm,
 Trong khi đi đứng ngồi nằm niệm luôn...

TÌNH ĐẠO PHẬT, ĐẾN LIÊN HOA: **TÌNH ĐẠO PHẬT** (Trích một đoạn)

Hướng về Phật để cầu hóa độ,
 Ngó lại tâm để mở cõi lòng;
 Cả hai cùng được dung thông,
 Giúp cho đạo quả như rồng gặp mây.
 Cầu Phật độ phải đầy khẩn thiết,
 Muốn tâm khai phải diệt niệm tà.
 Nếu lòng nửa Phật nửa ma,
 Phật không thể độ tâm nhà khó khai.

ĐẾN LIÊN HOA (Trích một đoạn)

Nên hành thiện dù ai cũng được,

Thật thiện tâm chớ chuốt ngoài môi;
 Tắm lòng thiện ấy có rồi,
 Thì là sẽ có chỗ ngồi Liên Hoa.

.....

Một niệm Phật muôn ngàn duyên đạo,
 Một điều lành phước báo trăm thiên;
 Muốn cho chín phẩm mau thiêng.
 Rán thường niệm Phật rán chuyên điều lành.
 Niệm Phật có lòng thành Phật độ.
 Làm lành không vị ngã phước tăng,
 Cho nên có thể nói rằng,
 Cũng thời niệm Phật kẻ thắng người trầm.

.....

Nếu muốn khỏi luân hồi thêm nữa,
 Rán mở thông sáu cửa đang che;
 Những điều Phật bảo nên nghe,
 Tập trung tâm niệm hướng về Liên Hoa...

.....

"Nếu muốn có một ngày giải thoát,
 Giờ phút này phải gấp tu hành;
 Nhứt tâm niệm Phật làm lành,
 634. Mặc dầu ai có nói mình đại ngu".

.....

Muốn thoát kiếp vô thường thống khổ
 Nên do đường Tịnh Độ mà đi;
 Nam Mô Đà Phật A Di,

Bao nhiêu công việc từ bi rỗng làm...

"Niệm Phật được thấy ngay Đức Phật,
Là niệm không còn chút tình đời;
Điều này nên nhớ ai ơi!

1666. Phật linh hay chẳng tại nơi lòng mình.
(Trích ĐẾN LIÊN HOA)

RÁN NIỆM PHẬT LÀM LÀNH

Trong khi niệm Phật ngồi thiền
Chỉ là niệm Phật chớ xen niệm trần
Muốn được Phật hóa thân đến rước
Phải nhứt tâm niệm Phật chí thành
Giữ lòng niệm Phật cho thanh
Tất nhiên được Phật rước lên sen vàng
Thấy nhiều kẻ muốn sang Cực Lạc
Mà lòng như bụi rác cống mương
Thế là dầu Phật có thương
Cũng không thể hiện bên giường rước đi
Làm tội ác trong khi chưa biết
Khi biết rồi cương quyết tránh xa
Một lời niệm Phật phát ra
Đủ làm sức cảm Di Đà tiếp linh
Phật độ kẻ hữu tình với Phật
Chớ Phật không thể rước con ma

Cho nên khi niệm Di Đà
 Phải lòng như Phật để mà niệm lên
 Muốn niệm Phật mau nên hiệu quả
 Hãy niệm như vú mẹ con thơ
 Mẹ không quên vú con chờ
 Con thèm sữa mẹ hằng giờ nhớ luôn
 Cữu phẩm muốn đặt chân tới chỗ
 Chín tầng sen muốn có điểm danh
 Phải nên niệm Phật làm lành
 Lòng thành càng mạnh càng thành tựu mau
 Từ nơi xứ Anh Đào vạn dặm
 Vài vần thơ xin nhả quê hương
 Người nào muốn đáo Tây Phương
 Phải vừa niệm Phật phải lương thiện lòng
 (Trích trong: LÁ THƯ ĐÔNG KINH 2)

RÁN TU CHO GIẢI KHỔ

Khổ mới tu rán tu cho giải khổ,
 Chớ nản lòng khi nạn nợ tai kia.
 Phước càng tăng thì tai họa càng lìa,
 Ngục đời mở phải nắm chìa khóa đạo.
 Tu cố bước cho Tây Phương Phật đáo,
 Lắm chông gai hay khổ báo mặc dù.
 Nếu kiếp này không tu thoát phàm phu,

Kiếp tới mãi chìm sâu trong biển khổ.
 Khó gặp Phật để cầu xin cứu độ,
 Khó làm người để nghe rõ kệ kinh.
 Tuy khó tu trong đời sống đao binh,
 Rán tu có được thần minh gia hộ.
 Tu thì phải tu cho lòng tỏ ngộ,
 Đem pháp tu ra tế độ nhơn sanh.
 Dùng đạo mầu làm đời trược hóa thanh,
 Lấy chánh giáo biến khổ thành Cực Lạc.
 Đã biết rõ cõi trần là dối gạt,
 Hãy quyết tu đừng để mắt say sưa.
 Hãy nhìn đời như mây bị gió đưa,
 Tất lòng dạ thích ưa đời sẽ chết.
 Lau mãi tất sạch gương đầy bụi hết,
 Luyện luôn thì sẽ hết tánh phàm phu;
 Đạo muốn thành cần phải dằn chí tu,
 Cả đời sống hướng về cầu giải thoát.
 13-8-1969 – (LÁ THƯ ĐÔNG KINH 1)

ĐẠO TÂM KHÔNG MỀ SÚT

Trong lửa đạn Đạo Tâm không mềm sút,
 Khổ càng nhiều lòng nhớ Phật càng tăng.
 Sức tu bền đá cũng không bằng,
 Lòng tin mạnh Đường Tăng chưa chắc thắng.

Lành thay! Kẻ chơn tu trong khổ nạn
 Cửa Đạo màu thật đáng lòng nên gương.
 Rán tu cho đến tận cõi Tây Phương,
 Chớ dừng bước trên đường đi Cực Lạc.
 Khổ thế mấy cũng chỉ là đến thác,
 Sống thác là định nghiệp của nhân gian.
 Đã biết rồi chớ lấy đó buồn than,
 Nên cương quyết tự ngăn sanh tử hậu.
 Sống đời mọi nghiệp mê không tạo cấu,
 Tất không duyên gì đáo cõi trần dương.
 Theo sự đời chung cuộc rã như sương,
 Hướng về Phật tắt khỏi đường tạm giả.
 Chí giải thoát mới gọi là chí cả,
 Sống siêu sanh ấy là kẻ sống đời;
 Người biết lo về Phật lúc tàn hơi,
 Đó mới thật là người chơn giác ngộ.
 Lời vắn tắt của người trên viễn lộ,
 Mong quê nhà lớn nhỏ rán lo tu.
 25-5-1968 – (LÁ THƯ ĐÔNG KINH 1)

SÂU DUYÊN PHẬT

Sâu duyên Phật khiến kiếp này tu được,
 Rán tu đừng bỏ cuộc Nữ Nam ơi!
 Tu một đời giải khổ cả muôn đời,
 Đã chịu khổ nhiều rồi đừng chịu nữa.

Mau tìm cội an vui chư Phật ở,
 Chớ chìm luôn trong kiếp khổ trần gian,
 Nếu kiếp này bền giấc chẳng tìm sang,
 Thì kiếp tới còn mang nhiều nghiệp báo,
 Nay vì có muôn ngàn khảo đảo,
 Cũng rán tu chớ ngơ ngáo trong lòng.
 Núi to bao đực mãi có ngày thông,
 Đạo khổ mấy cổ công tu sẽ đắc,
 Giống sanh tử nếu không đem gieo rắc,
 Mầm thế gian không thể mọc được đâu,
 Đường vắng sanh Cực Lạc một lòng cầu,
 Kiếp thống khổ bao lâu rồi cũng khỏi
 Trên đường Đạo phải tinh thần cứng cỏi
 Chinh phục đời để theo dõi lòng tin,
 Chữ Di Đà luôn trấn ở tâm mình,
 Như Tam Tạng đi thỉnh kinh thuở trước.

(Trích LÁ THƯ ĐÔNG KINH 1)

LỢI HẠI MẤY ĐIỀU KHÔNG

Không ngạo mạn khiến trọng người trọng lễ,
 Không chấp tâm khiến thân thể nhẹ nhàng.
 Không ghét ganh khiến chẳng tánh nghi nan,
 Không tham dục khiến bảo toàn đạo lý,
 Không tự trị khiến cho người khác trị,
 Không lỗi lầm chẳng kỵ sợ ai.

Không lợi danh khiến chẳng bỏ đố đây,
 Không sân nộ khiến lời đầy hòa nhã.
 Không kiên nhẫn khiến hoại hư việc cả,
 Không phiền ưu khiến thông thả trong lòng.
 Không vị tư khiến chẳng sự bất công,
 Không biếng nhát khiến việc không bỏ huốt.
 Không cá nhân khiến làm xong đại cuộc,
 Không tha mình khiến chẳng buộc tội ai,
 Không tâm mê khiến đời chẳng nhiễm say.
 Không ích kỷ khiến lòng hay bố thí.
 Không suy xét khiến sự không thông lý,
 Không tự tin khiến nản chí dễ dàng,
 Không quyết tâm khiến khó vượt gian nan,
 Không biết then khiến tài năng khó phát.
 Không chịu hối khiến thêm nhiều tội ác,
 Không chơn tu khiến đọa lạc không thôi.
 Không tâm thành khiến đức chẳng sanh sôi,
 Không niệm Phật khiến khó ngồi Cực Lạc
 Không tỉnh ngộ khiến khó tìm bến giác,
 Không chủ tâm khiến tà ác cuốn lôi.
 Không trì thiền khiến vọng động không thôi.
 Không tưởng Phật khiến sự đời loạn tưởng.
 Không nhân lành khiến sẽ không phước hưởng,
 Không thả chung khiến phí uổng công tu.
 Không thanh tâm khiến ánh huệ khó thu,
 Không đước Phật khiến đời mù lạc lối
 Không tinh tấn khiến Liên Hoa khó tới,
 Không trau tâm khiến lấp mối huyền vi.
 Không tu nay khiến mai mốt khổ nguy,

Không hành đạo khiến mất kỳ giải thoát.

26-10-1964 (LÁ THƯ ĐÔNG KINH 1)

NỀN ĐẠO ĐỨC

(Ông Thanh Sĩ nói vào băng gởi cho Bà Mười)

Nền Đạo đức rán làm sáng tỏ,
 Hỡi bà con lớn nhỏ quê nhà.
 Muốn cho thân được dựa Liên Hoa,
 Chớ để đạo mê sa trần tục.
 Làm nhà cửa chẳng dùng cây mực,
 Làm Phật Tiên không chút nhiễm trần.
 Anh chị em hãy rán tu thân,
 Đừng ngao ngán gian truân lắm lúc.
 Tuy phải chịu năm bào mười đực,
 Có ngày nên hình Phật cốt Tiên.
 Chớ nản lòng trước cảnh đảo điên,
 Khá bền chí lo chuyên đạo pháp.
 Rách lạnh trước rồi sau ấm áp,
 Sung sướng nay mai gặp khổ lao.
 Công phu nhiều thì quả mới cao,
 Lơ là quá làm sao ngộ đạo,
 Tu trong bụng đừng tu ngoài áo,
 Đạo tại tâm chớ Đạo tại mồm.
 Biết Đạo nên hương nước sớm hôm,
 Đừng tu bật đèn nhang mai tối.

Tu chơn chánh chớ tu giả dối,
 Đường Phật đi rón nổi gót theo.
 Đã xả thân chớ sợ nguy nghèo,
 Theo Tiên Phật đừng theo ma quỷ.
 Chưa hiểu Đạo thì còn tánh ngụy,
 Hiểu Đạo rồi rón trị tà tâm.
 Nên tưởng tin Phật pháp thậm thâm,
 Khá thật hiện từ tâm bác ái.
 Lấy nhẫn nhục thắng qua vật ngại,
 Đem giới răn ngăn cái tâm trần.
 Dù yêu tinh đầy dẫy bên thân,
 Cũng chớ để tâm thần nhút nhát,
 Niệm Nam Mô Quan Âm Bồ Tát,
 Một lòng nguyên bản giác tầm qua.
 Nghiệp thế gian trút hết Ta bà,
 Lòng Bồ Tát ôm qua Tịnh độ.
 Trên đường tiến đến ngày tỏ ngộ,
 Khó khăn bao cũng cố tu hành.
 Dữ mặc ai mình vẫn làm lành.
 Cứ như thế mà hành sẽ được.
 Đường Đạo có xa bao cũng bước,
 Tình đời dầu trái ngược cũng tu.
 Tu cho mình hết kiếp đại ngu.
 Tu cho kẻ khỏi câu thống khổ.
 Muốn giải thoát tìm phương Tịnh độ,
 Muốn siêu sanh theo lộ thiền môn.
 Độ xác thân độ cả linh hồn,
 Độ mình kế độ luôn bá tánh.
 Làm phước đức giồi trau đạo hạnh,

Tánh phàm phu đổi tánh Phật Tiên.
 Mỗi Từ Bi năm tháng nối liền,
 Đường chánh giác ngày đêm rộng mở.
 Chẳng những tự lo cho xong nợ,
 Còn giúp người sớm gỡ dây oan.
 Đem sự tu biến cõi trần hoàn,
 Hết nghe thấy tiếng than cảnh khổ.
 Tu cho đúng tinh thần đại độ,
 Tu cho thông con lộ huyền vi.
 Chớ núng nao công việc nghĩa nghi,
 Đừng từ chối những gì phước đức.
 Trước hết phải tự mình nỗ lực,
 Rồi Phật Tiên giúp sức thêm cho.
 Tu ngồi không công đức chẳng lo,
 Tu như vậy bao giờ đắc đạo.
 Tu nhân đạo phải lo hiếu thảo,
 Tu Phật môn phải giáo độ đời.
 Tu mà không cứu giúp cho người,
 Là tu trái ngược lời chư Phật.
 Tu thì phải tâm vô nhứt vật,
 Tu còn ham vật chất sao nên.
 Thói đời tuy khó bỏ rần quên,
 Tánh đạo rất khó rèn rần tập.
 Phải cương quyết xin đừng lệp bấp,
 Nay không thành bữa khác sẽ thành.
 Như Thích Ca luyện đạo non xanh,
 Như Tam Tạng thỉnh kinh Đông độ.
 Không cương quyết đâu thành Phật Tổ,
 Không nhứt tâm đâu ngộ Như Lai.

Người xưa kia như thể người nay,
 Thành đạo chẳng một ngày mà được.
 Tiên Thánh cũng thăng trầm bao lượt,
 Cố gắng tu hết sức mới thành.
 Ít có ai bữa trước mới hành,
 Bữa sau được nên danh Bồ Tát.
 Người thường trước có nhiều tội ác,
 Kém tu không đủ sức tiêu trừ.
 Phải làm cho công đức có đủ,
 Tội ác hết chơn như mới tỏ
 Muốn lúa tốt phải làm sạch cỏ,
 Muốn tánh minh phải bỏ lòng tà.
 Nếu lưng chừng nửa Phật nửa ma,
 Đến chết cũng không ra gì cả.
 Nói thiên cơ mà không hỏi quá,
 Rớt cuộc rồi như cá mắc câu,
 Hội Phật Tiên chẳng dễ gặp đâu,
 Muốn gặp phải công tu dày dặn.
 Hội Tiên Phật người nào dự đặng,
 Tức nhiên người ấy chứng quả rồi.
 Tu lưng chừng hoặc đạo lời thôi,
 Khó mong dựa chín ngôi sen báu.
 Hỡi tất cả anh em trong đạo,
 Hỡi bà con lão ấu gần xa.
 Rán thành tâm hành đạo Thích Ca,
 Rán thật ý tạo ra phước đức.
 Khá thương nhau như là cật ruột
 Khá giúp nhau trong cuộc gian nguy.
 Trên con đường trí huệ từ bi,

Nên dìu dắt nhau đi tốt chỗ
 Thiên hạ vẫn còn đầy đau khổ
 Đạo nghĩa nên thi thố rộng ra
 Giải cứu đời khỏi cảnh thiết tha,
 Hỡi đồng đạo quê nhà cố gắng
 Từ xứ lạ đôi lời gởi nhắn,
 Gọi là quà biếu tặng lẫn nhau.

Ngày 6-1-1966 (LÁ THƯ ĐÔNG KINH 1)

THI KHOÁN THỦ

THANH phong gởi hộ tiếng người xa,
 SĨ muốn lời thơ viếng xứ nhà.
 THÂN chúc nữ nam câu mạnh khỏe,
 TẶNG cho lão ấu chữ an hòa.
 ANH đường bác ái lo thêm rộng,
 EM cửa từ bi mở lớn ra.
 GIẢNG kệ ngày đêm lo phổ biến,
 VIÊN thành đạo quả cứu người ta.

.....

THANH tịnh lòng nhưng khổ xác phàm
 SĨ phu từ buổi cách trời Nam.
 KÍNH người hữu đức không hề chán
 THẨM kẻ chơn tu chẳng chút nhàm.
 ĐỒNG nguyện chúng sanh tiêu khổ ách.
 ĐẠO cầu thế giới hết bi kham.
 QUÊ hương xin giữ lòng son sắt
 NHÀ Phật Từ Bi cố gắng làm.

17-12-1964 - (LÁ THƯ ĐÔNG KINH 1)

Ý NGHĨA SỰ TU

Tu là sửa đổi tánh lầm sai
 Tu nói làm xong cứ mãi hoài
 Tu hiểu, tu trung lòng chánh trực
 Cô hiền, tu thảo dạ thanh bai
 Tu không phạm đến mười điều tội
 Tu chẳng rời quên tám lễ ngay
 Tu hồi, Thần kinh tà quỷ khiếp

Tu trong phải được lẫn tu ngoài

17-11-1965 (Trích LÁ THƯ ĐÔNG KINH 2)

TỪ BI BÌNH ĐẲNG

Cảnh nào cũng vẫn làm lành
 Người nào cũng vẫn lấy tình yêu thương
 Đạo mầu phương tiện xiển Dương
 Từ bi chẳng biệt phân đường Đông Tây
 Tỉnh người say, chớ dễ say.
 Độ người mê chẳng để gài trong mê.
 Đi đâu cũng nhớ đường về.
 Đi đâu cũng chẳng bỏ bê đạo mầu
 Sen vàng mọc giữa bùn sâu.
 13-4-1966 (Trích LÁ THƯ ĐÔNG KINH 2)

TÌNH THƯƠNG CHÂN THẬT

Nên đem cái tình thương riêng nhỏ hẹp,
 Biến thành tình thương rộng khắp muôn dân.
 Cái tình thương giả dối đổi ra chân,
 Thương người cũng như thương thân mình vậy.
 Thương để cứu chớ nên thương để hại,
 Thương cao thanh đừng thương lối đê hèn.
 Đời tối tăm tình thương ấy là đèn,
 Đời đau khổ tình thương trên tất cả.

Giàu tình thương xã hội đời thông thả,
 Nghèo tình thương khiến thiên hạ đảo điên.
 Cái tình thương có sức mạnh vô biên,
 Xoay thời loạn ra thời yên trị được.
 Cái tình thương chuyển họa thành ra phước,
 Người hòa vui nhờ có được tình thương.
 Cái tình thương ầm áp tội thái dương,
 Tình thương cũng như nguồn mát mẻ.
 Đời như thể đũa hai nhai mới dễ,
 Cái tình thương như sữa mẹ nuôi thân,
 Thời đại nào tình thương cũng thiết cần.
 Tình thương mất người ta không tồn tại được.
 Dân tộc mạnh tình thương không mất nước,
 Tình thương nhau phai lợt khiến thê lương.
 Thật tình thương đem đặt giữa chiến trường,
 Chiến trường ấy máu xương không còn đổ.
 Thật tình thương đặt giữa cơn gậy gổ,
 Gậy gổ kia tức khắc trở nên hòa.
 Thật tình thương đặt trong tánh người ta.
 Người ta sẽ hóa ra Bồ Tát Phật,
 Nếu tình thương trong lòng người dễ mất,
 Thì người cùng thú vật khác nhau đâu.
 Đã là người chung sống quả địa cầu,
 Nên mở rộng tình thương nhau chơn thật.

(Trích LÁ THƯ ĐÔNG KINH 1)

ÂN THẦY

... Đức Thầy dù ở xa xăm
Cũng thường lai vãng âm thầm khắp nơi...

.....

... Từ ngày Thầy Tổ phân chia,
Tơ lòng đứt đoạn đầm đìa lệ sa.
Sầu đông nên tuổi đã già,
Đứng nằm thốn thức ruột rà quặn đau.

.....

Đức Thầy dặn bảo hết lời,
Hạ ngươn nay đã hết đời rán tu.

.....

Lời vàng tiếng gọi Thầy ghi,
Coi đi coi lại huyền vi mới tường.

.....

Đức Thầy từ lúc vương nàn tai,
Bốn Đạo âu sầu nuốt hận cay.
Tủi nhục anh em gây thảm kịch,
Làm cho dư luận khắp trong ngoài.
(Nông Nổi Người Dân)

NHỚ ÂN THẦY

Ân thầy đã vạch đường mở ngõ,
 Chẳng rèn lòng lớn nhỏ thả trôi.
 Làm cho Đạo pháp suy đồi,
 Kẻ chê người nhạo vô hồi đốn đau...
 (Tiếng Chuông Cảnh Tĩnh)

.....

Công Thầy lặn lội cam go,
 Dạy dân rón tiếng hát hò hết hơi...

.....

Lời châu tiếng ngọc muôn vàn,
 Đức Thầy chỉ bảo mọi đường cho dân...

.....

... Ân Thầy tiếng ngọc lời vàng,
 Nghe rồi chẳng sửa phải mang khổ hình...
 (Tiếng Chuông Cảnh Tĩnh)

.....

... Nhớ Thầy nhìn lại Đạo mầu,
 Lòng đau như cắt ai hầu biết cho!...

.....

... Thầy Ôi! Lòng trẻ ử ê,
 Xa Thầy bốn đạo đường dê không dò...

... Thương thầy phải ráng sửa thân,
 Để cho chẳng phụ đức ân của Thầy,

Héo von én nhận lạc bầy,
 Giọng buồn nảo nuốt những ngày đêm sương
 Cùng nhau kết một tình thương,
 Để Thầy nơi chốn tha phương an lòng.
 Đệ huynh giữ một chữ đồng,
 Từ đây chớ để máu hồng tuôn rơi.
 Giúp nhau được sống coi đời,
 Nỡ nào giết hại rã rời tình thâm.
 Tấm gương Bùi Kiệm Trịnh Hâm,
 Ai ai cũng ghét còn tằm nữa chi?...
 (Lời Khuyên Tu Hiền)

.....

ẢNH LƯU NIỆM (ĐÃ XÓA ẢNH MỜ KHÔNG RÕ NÉT)



BAN HOÀNG PHÁP TÂY AN CỔ TỰ



**ẢNH: BAN GIÁM ĐỐC VÀ KHÓA SINH KHÓA
ĐÀO TẠO ĐẠO ĐỨC VIÊN - KHÓA 1 TÊN LÀ
KHÓA HÒA HẢO TẠI TÂY AN CỔ TỰ ĐỊNH HÒA,
CHỢ MỚI, AN GIANG, NĂM GIÁP NGỌ 1954
KHÓA ĐÀO TẠO ĐẠO ĐỨC VIÊN BAN HOÀNG PHÁP TÂY AN CỔ TỰ**



NGÀY RẼM THÁNG 2 NĂM ẤT MÙI-1955,
TIẾN ĐƯA ÔNG THANH SĨ LÊN MÁY BAY SANG NHẬT

(HÀNG ĐẦU: ÔNG THANH SĨ ĐỨNG GIỮA ĐỘI NÓN.
BÊN PHẢI: BÀ MƯỜI, KẾ LÀ BÀ SÁU...
BÊN TRÁI: ÔNG THIÊN HẠNH VÀ MỘT SỐ ĐỒNG ĐẠO).



*Ngày rằm tháng 2 Ất Mùi (1955),
các Đồng đạo tiễn đưa Ông Thanh Sĩ lên máy bay sang Nhật.
Ông Thanh Sĩ đứng giữa đội nón, bên phải là Bà Mười,
kế là Bà Sáu, bên trái Ông Thiên Hạnh và một số đồng Đạo.*













Nhà thờ Bà Mười (Thân mẫu) và thờ ông Thanh Sĩ
Nền nhà củ tại Định Hòa, Chợ Mới, tỉnh An Giang
Trước nhà có hai ngôi mộ.

HẾT